

## *Lời mở đầu*

Trong nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, loại hình doanh nghiệp chủ yếu tồn tại đó là doanh nghiệp nhà nước, chuyên sản xuất các mặt hàng thiết yếu phục vụ cuộc sống của nhân dân. Mục tiêu mà các doanh nghiệp này phấn đấu là hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra và đảm bảo giá trị sử dụng của sản phẩm. Nhưng ngày nay, cơ chế thị trường phát triển, cạnh tranh ngày càng gay gắt, các loại hình doanh nghiệp tồn tại đa dạng và không chỉ hoạt động vì hai mục tiêu đó. Để các doanh nghiệp có thể tồn tại, phát triển và phát triển bền vững trên thị trường thì mục tiêu cốt yếu nhất là phải tạo ra giá trị lợi nhuận càng lớn càng tốt. Doanh nghiệp đó dù là doanh nghiệp sản xuất hay doanh nghiệp thương mại thì đều cần chú trọng, quan tâm đến các biện pháp tác động đến chi phí và doanh thu bán hàng nhằm nâng cao lợi nhuận. Họ luôn mong muốn chi phí là tối thiểu, doanh thu là tối đa, làm sao để doanh thu không những bù đắp được chi phí bỏ ra mà nó còn tạo ra lợi nhuận để tiếp tục tồn tại và phát triển.

Nhưng lợi nhuận đó được tính như thế nào, con số cụ thể là bao nhiêu thì lại phải thông qua một thao tác rất quan trọng nữa, đó là xác định kết quả tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá. Công tác xác định kết quả kinh doanh này sẽ nhanh chóng cho chúng ta biết lãi kinh doanh trong kỳ là bao nhiêu, trên cơ sở đó ta tính được các khoản nghĩa vụ đóng góp đối với ngân sách Nhà Nước, và cũng dựa vào số lãi đó để trang trải nợ, để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, để trích các quỹ trong doanh nghiệp....

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, dưới sự hướng dẫn của Ths. Nguyễn Văn Thụ, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật” cho khoá luận tốt nghiệp của mình. Thông qua nghiên cứu đề tài, em muốn nắm vững hơn những kiến thức lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh sản phẩm, hàng hoá. Đồng thời, em muốn được đi sâu tìm hiểu thực tế của công tác kế toán này tại Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật.

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Kết cấu khoá luận của em ngoài phần mở đầu, kết luận, bao gồm ba phần chính sau đây:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật.

## CHƯƠNG I

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

**1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

***1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

Để quản lý tốt hoạt động của sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết hiệu quả của mình đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

***1.1.2 Ý nghĩa và vai trò của hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

***1.1.2.1 Ý nghĩa và vai trò của hạch toán doanh thu, thu nhập***

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo qui định, là nguồn có thể tham gia vốn góp cổ phần,

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu dẫn đến phá sản.

Ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Tiêu thụ hàng hoá mang lại doanh thu cho doanh nghiệp đồng thời thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

Thông qua tiêu thụ giá trị hàng hoá được thực hiện, các vấn đề liên quan đến hàng hoá được xác định như: số lượng, chất lượng, chủng loại, thời gian phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Tiêu thụ xét trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân là điều kiện cần thiết để tái sản xuất xã hội. Đảm bảo tiêu thụ là đảm bảo duy trì sự liên tục của hoạt động kinh tế, đảm bảo mối liên hệ mật thiết giữa các khâu trong quá trình tái sản xuất.

Kết quả tiêu thụ hàng hoá có tỉ trọng không nhỏ trong kết quả kinh doanh. Nó là một phần cấu thành của kết quả kinh doanh và ngược lại kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để đưa ra quyết định về tiêu thụ hàng hoá. Nói cách khác, kết quả kinh doanh là mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp còn tiêu thụ hàng hoá là phương thức để hoàn thành mục tiêu đó.

Việc xác định kết quả tiêu thụ giúp cho việc xác định đúng kết quả kinh doanh thể hiện chính xác năng lực kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh thương mại. Vì vậy, để đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ hàng hoá cũng như hoàn thiện hạch toán tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá là điều cần thiết.

### *1.1.2.2. Ý nghĩa vai trò của việc hạch toán xác định kết quả kinh doanh*

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kì nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định lượng hàng hoá tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế phát sinh trong kỳ nói riêng của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó, đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

### ***1.1.3 Yêu cầu, nhiệm vụ của của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

#### ***\* Yêu cầu của của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:***

Quản lý nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá trong doanh nghiệp là quá trình quản lý hàng hoá về số lượng, chất lượng giá trị hàng hoá bán ra, quản lý từ khâu mua, bán từng mặt hàng, từng nhóm hàng cho đến khi thu được tiền hàng cụ thể như sau:

- Quản lý về số lượng: giá trị hàng hoá xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng lần gửi hàng, từng nhóm hàng.
- Quản lý về giá cả bao gồm: Việc lập dự định về theo dõi, việc thực hiện giá đưa ra kế hoạch của kỳ tiếp theo.
- Quản lý việc thu hồi tiền bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: Quản lý tiêu thụ hàng hoá tốt sẽ tạo điều kiện cho quản lý việc xác định kết quả kinh doanh tốt. Từ đó hạn chế rủi ro trong kinh doanh cũng như ngăn chặn nguy cơ thất thoát hàng hoá, đảm bảo tính chính xác của các số liệu đưa ra.

## **\* *Nhiệm vụ của của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:***

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp thì kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Lập các chứng từ kế toán để chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mở sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối lượng hàng hoá tiêu thụ, ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan khác của khối lượng hàng hoá bán ra (giá bán, doanh thu thuần...)
- Phân bổ chi phí bán hàng cho số hàng đã bán trong kỳ và lượng hàng tồn cuối kỳ.
- Kế toán quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ kho hàng hoá, phát hiện và xử lý kịp thời hàng hoá bị ứ đọng.
- Lựa chọn phương pháp và xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp.
- Xác định kết quả bán hàng và thực hiện chế độ báo cáo bán hàng, báo cáo hàng hoá.
- Theo dõi và thanh toán kịp thời các khoản công nợ với nhà cung cấp và khách hàng.
- Theo dõi phản ánh các khoản thu nhập, chi phí hoạt động tài chính, trên cơ sở đó tính toán đầy đủ, kịp thời và chính xác kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- Theo dõi, ghi chép, phản ánh kịp thời từng khoản thu nhập, chi phí khác phát sinh trong kỳ.
- Tính toán, phản ánh chính xác, đầy đủ và kịp thời kết quả hoạt động kinh doanh khác.

### **1.1.4 Một số khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

#### **❖ *Các loại doanh thu***

*Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.*

Doanh thu được ghi nhận trong quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ:

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

✓ Bán hàng là bán các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán các hàng hóa mua vào.

Cung cấp dịch vụ là thực hiện công việc không mang hình thái vật chất đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán.

❖ Giá trị lợi ích kinh tế: là giá trị của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tiêu thụ được trong kỳ.

❖ Giá trị của doanh thu được xác định thông qua giá trị của hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp tiêu thụ được trong kỳ.

❖ Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý (là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá) của các tài khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ ( - ) các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

❖ Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

❖ Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

❖ Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

❖ Chiết khấu thanh toán: là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng.

❖ Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

❖ Giá trị hợp lý: Là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

✓ Doanh thu hoạt động tài chính: dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Trên đây là một số thật ngữ được dùng trong quá trình hạch toán ghi nhận doanh thu của các doanh nghiệp để góp phần giúp mọi người có thể hiểu rõ hơn về doanh thu và quá trình hạch toán doanh thu.

### ➤ **Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh**

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ nhằm đến việc đạt được mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp: doanh thu và lợi nhuận. Tuy nhiên, chi phí được phân loại dựa trên nhiều góc nhìn khác nhau và sự phân loại chi phí như vậy không nhằm ngoài mục đích phục vụ nhu cầu quản trị doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực số 01 “chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì: Chi phí là khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

#### ■ **Giá vốn hàng bán**

Là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm đã bán được (hoặc bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá bán thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### ■ **Chi phí bán hàng**

Là tất cả chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ

#### ■ **Chi phí quản lý doanh nghiệp**



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Là tất cả chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp

### ■ *Chi phí hoạt động tài chính*

Là những chi phí liên quan đến các hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp

### ■ *Chi phí khác*

Là các chi phí khác bao gồm các khoản chi cho các hoạt động xảy ra không thường xuyên

### ■ *Chi phí thuế TNDN*

Thuế TNDN là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp

Căn cứ tính thuế TNDN là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế TNDN

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ và thu nhập khác

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế X Thuế suất thuế TNDN

### *c. Xác định kết quả kinh doanh*

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động bán hàng hoá, sản phẩm của doanh nghiệp trong thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lỗ hay lãi.

- Nói cách khác, kết quả kinh doanh là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng thu về với các khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong quá trình bán hàng.

Kết quả bán hàng của doanh nghiệp được tính vào cuối kỳ hạch toán (thường là cuối tháng, quý, năm).

### **1.1.5 Bán hàng và các phương thức bán hàng.**

#### **❖ *Phương thức bán hàng trực tiếp.***

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được coi là tiêu thụ khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

## ❖ *Phương thức chuyển hàng*

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

## ❖ *Phương thức giao hàng cho đại lý.*

Là phương thức doanh nghiệp giao hàng cho các đại lý ký gửi để các đại lý này trực tiếp bán hàng. Bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán, thanh toán tiền hàng và hưởng hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Số hàng chuyển giao cho các đại lý ký gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi các đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc gửi thông báo về số hàng đã bán được thì số hàng đó được coi là tiêu thụ.

## ❖ *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.*

Bán hàng trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu tại thời điểm mua hàng, số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho khách và được khách hàng chấp nhận thanh toán, hàng hoá bán được coi là tiêu thụ.

## ❖ *Phương thức bán đổi hàng.*

Theo phương thức bán đổi hàng, doanh nghiệp đem sản phẩm, hàng hoá của mình để đổi lấy sản phẩm, hàng hoá của khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì ghi nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra, Khi DN nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào. Giá trao đổi là giá bán sản phẩm, hàng hoá đó trên thị trường.

DT sản phẩm đem trao đổi = Số lượng sản phẩm đem trao đổi x Giá bán của sản phẩm trên thị trường tại thời điểm trao đổi

## **1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thu.**

## 1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

### 1.2.1.1 Kế toán doanh thu tại doanh nghiệp.

#### ❖ *Điều kiện ghi nhận doanh thu:*

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản là toàn bộ số tiền thu được do bán sản phẩm, hàng hóa và việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng ( không bao gồm thuế GTGT ) sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại ( nếu có chứng từ hợp lệ và được khách hàng thanh toán không phân biệt đã thu được tiền hay chưa ). Tuy nhiên, không phải bất kỳ khi nào bán hàng hóa hay cung cấp dịch vụ mà số tiền thu được đó cũng được ghi nhận là doanh thu của đơn vị. Nó chỉ được ghi nhận là doanh thu khi thỏa mãn các điều kiện dưới đây

#### ✓ *Đối với doanh thu bán hàng.*

Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến bán hàng.

#### ❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ.*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Doanh thu có được tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ✓ Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu

- Khi hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phải tuân thủ theo một số nguyên tắc nhất định để đảm bảo các khoản doanh thu được ghi nhận đúng và hợp lý.

- Doanh thu và chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính.

- Doanh thu chỉ được hạch toán khi khối lượng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

- Doanh thu bán hàng ( kể cả bán hàng nội bộ ) phải được theo dõi cụ thể và riêng biệt theo từng loại hình kinh doanh. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh trong kỳ theo yêu cầu quản lý tài chính và lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Giá trị của khoản doanh thu được ghi nhận thực hiện theo nguyên tắc sau:

+ Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu được ghi nhận là giá bán chưa có thuế GTGT.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán.

+ Đối với những sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán.

+ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư hàng hoá thì phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

+ Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu phần hoa hồng được hưởng.

+ Trường hợp bán hàng theo phương pháp trả chậm trả góp thì doanh thu được ghi nhận theo giá bán trả tiền ngay, còn phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

+ Những sản phẩm, hàng hóa được xác định là tiêu thụ nhưng vì một lý do nào đó như quy cách, chất lượng sản phẩm ... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp thuận, hoặc người mua hàng với số lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ này phải được hạch toán riêng biệt.

+ Căn cứ vào nội dung khối lượng sản phẩm, hàng hóa dịch vụ ... đã tiêu thụ để hạch toán vào các tài khoản có liên quan. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

+ Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua thì trị số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi nhận doanh thu mà chỉ được hạch toán vào bên có của tài khoản 131 “ phải thu của khách hàng ” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua mới được ghi nhận doanh thu.

+ Đối với những trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê nhiều kỳ kế toán thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của kỳ kế toán là số tiền cho thuê xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số kỳ kế toán thuê tài sản.

+ Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của nhà nước, được nhà nước trợ cấp giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp giá là số tiền nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp trợ giá.

### ❖ Chứng từ và tài khoản sử dụng sử dụng:

Doanh thu được hạch toán phải có căn cứ cụ thể, hợp pháp. Mỗi một loại doanh thu được ghi nhận theo từng phương pháp bán hàng lại có những chứng từ phù hợp để ghi nhận doanh thu. Chứng từ doanh thu gồm những loại sau đây:

❖ Đối với bán hàng thông thường.

- Hóa đơn GTGT ( đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ ).

- Hóa đơn bán hàng thông thường.

- Phiếu xuất kho.

- Phiếu thu tiền hoặc giấy báo có của ngân hàng.

❖ Đối với bán hàng đại lý.

Ngoài những chứng từ sử dụng như trong bán hàng thông thường còn có bảng kê hàng hóa bán ra, bảng kê hàng hóa nhập vào ...

❖ Đối với bán lẻ.

Nếu hàng hóa bán lẻ dưới 100 ngàn đồng thì không cần lập hóa đơn nếu khách hàng không yêu cầu. Ngoài những chứng từ sử dụng như trong trường hợp bán hàng thông thường thì đối với bán lẻ cần phải lập bảng kê bán ra.

### ❖ Tài khoản sử dụng

Trong quá trình hạch toán doanh thu chúng ta chủ yếu sử dụng tài khoản 511 “ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ”. Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài khoản này có kết cấu như sau:

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Thuế TTĐB, thuế XK, phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.</li><li>- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.</li><li>- Trị giá hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.</li><li>- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.</li><li>- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.</li><li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - xác định kết quả kinh doanh.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</li></ul>

TK này không có số dư cuối kỳ.

- Tùy theo điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu mỗi doanh nghiệp sẽ xây dựng chi tiết các tài khoản cấp hai cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình. Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 6 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

TK này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

+ Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm

Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp...

+ Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật, dịch vụ kế toán kiểm toán.

+ Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ giá, trợ cấp.

+ Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư



+ Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

- Khi hạch toán vào tài khoản 511 chúng ta cần tôn trọng một số quy định để đảm bảo tính hợp lý của các khoản doanh thu được ghi nhận.

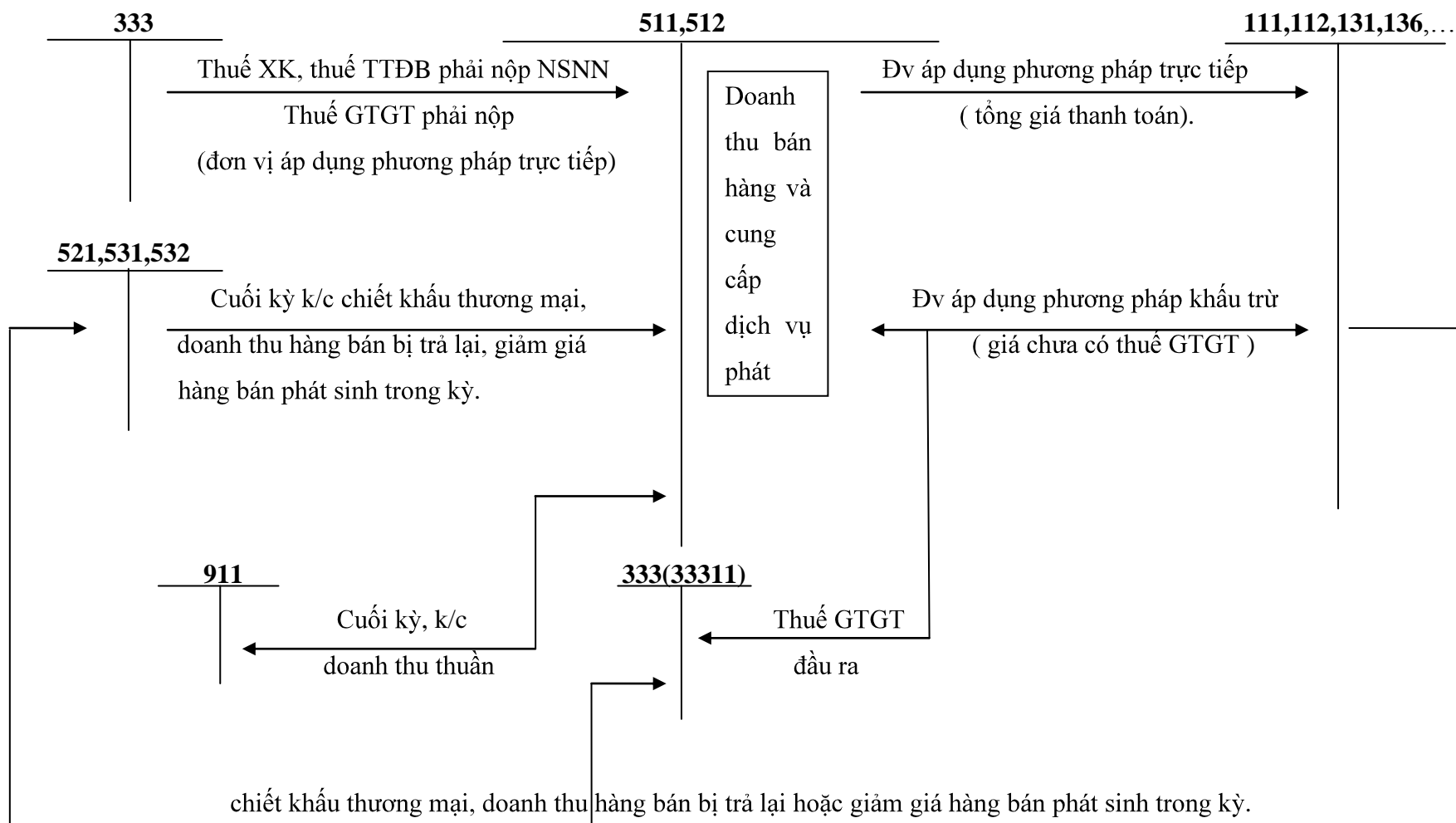
- Tài khoản 511 chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ được coi là tiêu thụ không phân biệt đã thu được tiền hay chưa.

### ***c. Quy trình hạch toán nghiệp vụ ghi nhận doanh thu***

Mỗi một doanh nghiệp có những hình thức kinh doanh, bán hàng hóa khác nhau phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp mình để làm sao có thể đem lại cho doanh nghiệp mình nguồn doanh thu và lợi nhuận lớn nhất có thể đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Với mỗi hình thức bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác nhau thì lại có một quy trình hạch toán doanh thu khác nhau phù hợp giúp cho các doanh nghiệp dễ dàng hơn trong công tác hạch toán doanh thu.

Nhìn chung mỗi loại hình kinh doanh bán hàng lại có những hình thức hạch toán doanh thu khác nhau nhưng chúng có thể tổng quát theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**



### 1.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh việc bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần phải có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được hưởng doanh thu chiết khấu, nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

✓ **Chiết khấu thương mại:**

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua, bán hàng.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

**TK521-Chiết khấu thương mại, tài khoản này có kết cấu:**

**+Bên nợ:**

- Số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ

**+Bên có:**

- Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thương mại sang TK 511 để tính doanh thu thuần trong kỳ kế toán

TK521 không có số dư cuối kỳ

✓ **Giảm giá hàng bán:**

Giảm giá hàng bán : là số tiền giảm trừ cho khách hàng được người bán chấp nhận trên giá đã thỏa thuận vì lý do hàng bán kém phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

**TK 532-Giảm giá hàng bán, tài khoản này có kết cấu:**

**+Bên nợ:**

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng phát sinh trong kỳ

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### **+Bên có:**

- Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán vào TK 511 hoặc TK 512 để tính doanh thu thuần trong kỳ  
TK 532 không có số dư cuối kỳ.

### ✓ **Hàng bán bị trả lại**

Hàng bán bị trả lại : là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm hợp đồng kinh tế, vi phạm cam kết, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hoá đơn (nếu trả lại một phần hàng). Và đính kèm theo chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

### ❖ **Tài khoản sử dụng:**

**TK 531-Hàng bán bị trả lại, tài khoản này có kết cấu:**

### **+Bên nợ:**

- Trị giá hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền hoặc trừ vào nợ phải thu

### **+Bên có:**

- Kết chuyển trị giá hàng bán bị trả lại vào TK 511 hoặc TK512 để tính doanh thu thuần trong kỳ.  
TK 531 không có số dư cuối kỳ.

### ✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Thuế TTĐB được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như bia, rượu, thuốc lá, ô tô...

### **Giá bao gồm thuế TTĐB**

**Thuế TTĐB phải nộp = ----- x thuế suất**  
**1 + thuế suất**

### ✓ **Thuế xuất khẩu**

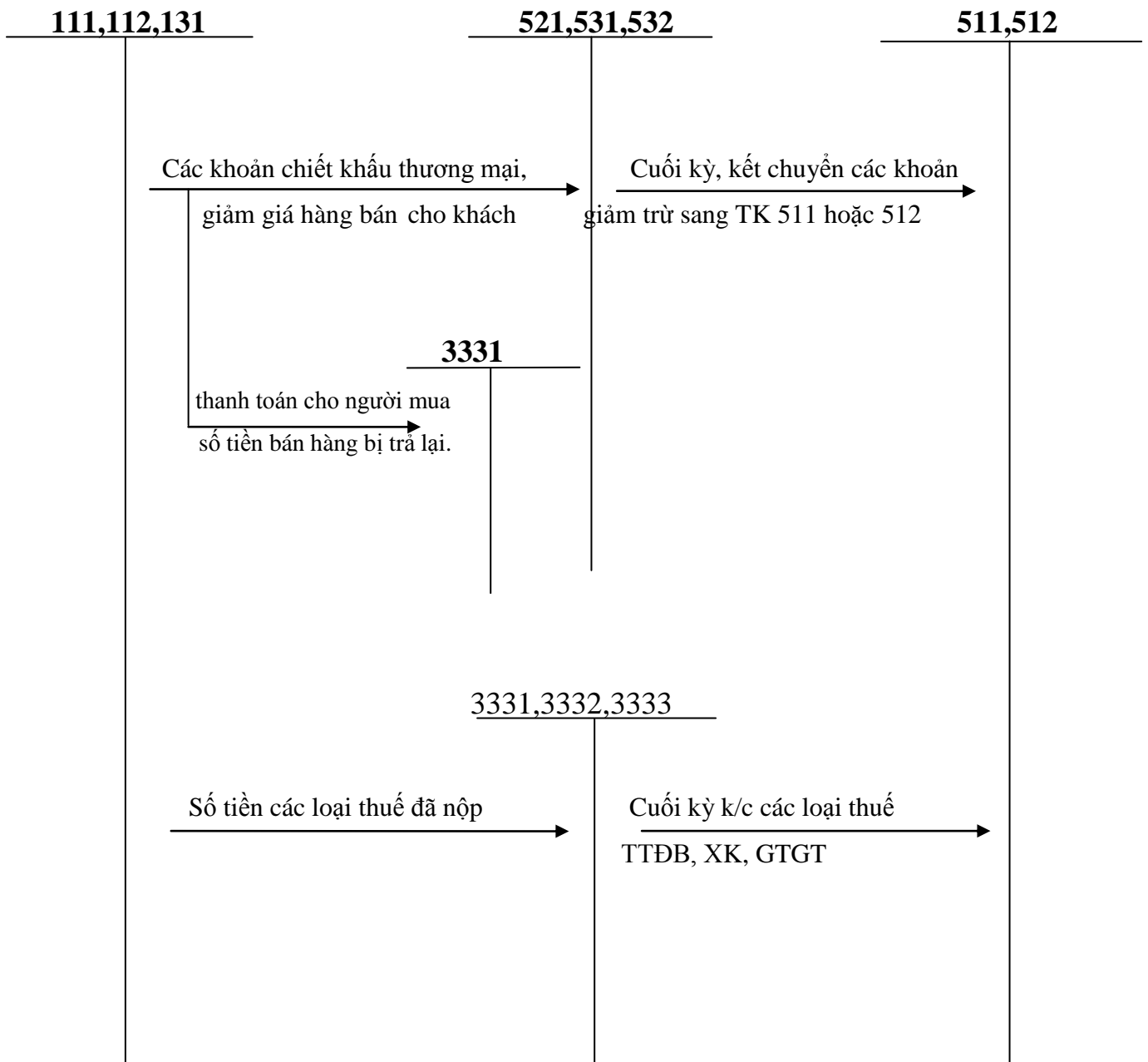
Thuế xuất khẩu được đánh vào một số các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## ✓ Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp

Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**



## 1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.

❖ *Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán*: dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với đơn vị xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh sản xuất, chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

### ***Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán***

❖ *Phương pháp bình quân gia quyền*:

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân.

$$\text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

Nếu đơn giá bình quân tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

Nếu đơn giá bình quân tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hóa vật tư. Kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm hàng hóa vật tư tồn lại sau mỗi lần xuất.

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### ❖ *Phương pháp nhập trước xuất trước ( FIFO)*

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập cuối cùng.

### ❖ *Phương pháp nhập sau xuất trước ( LIFO)*

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập sau cùng thì sẽ xuất trước. Lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

### ❖ *Phương pháp thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, trị giá vốn hàng xuất kho được xác định dựa trên giá định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

### ***Chứng từ sử dụng:***

Trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hóa đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định. Những chứng từ này có cơ sở pháp lý để tiến hành hạch toán nhập, xuất kho hàng hóa, là cơ sở của việc kiểm tra tính cần thiết và hợp lý của chứng từ. Các chứng từ chủ yếu được sử dụng là:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hóa kế toán phải lập phiếu xuất kho là căn cứ để xuất hàng hóa, đồng thời là cơ sở để vào sổ chi tiết hàng hóa. Khi bán hàng cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu XK, hóa đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng hóa để lập báo cáo bán hàng.



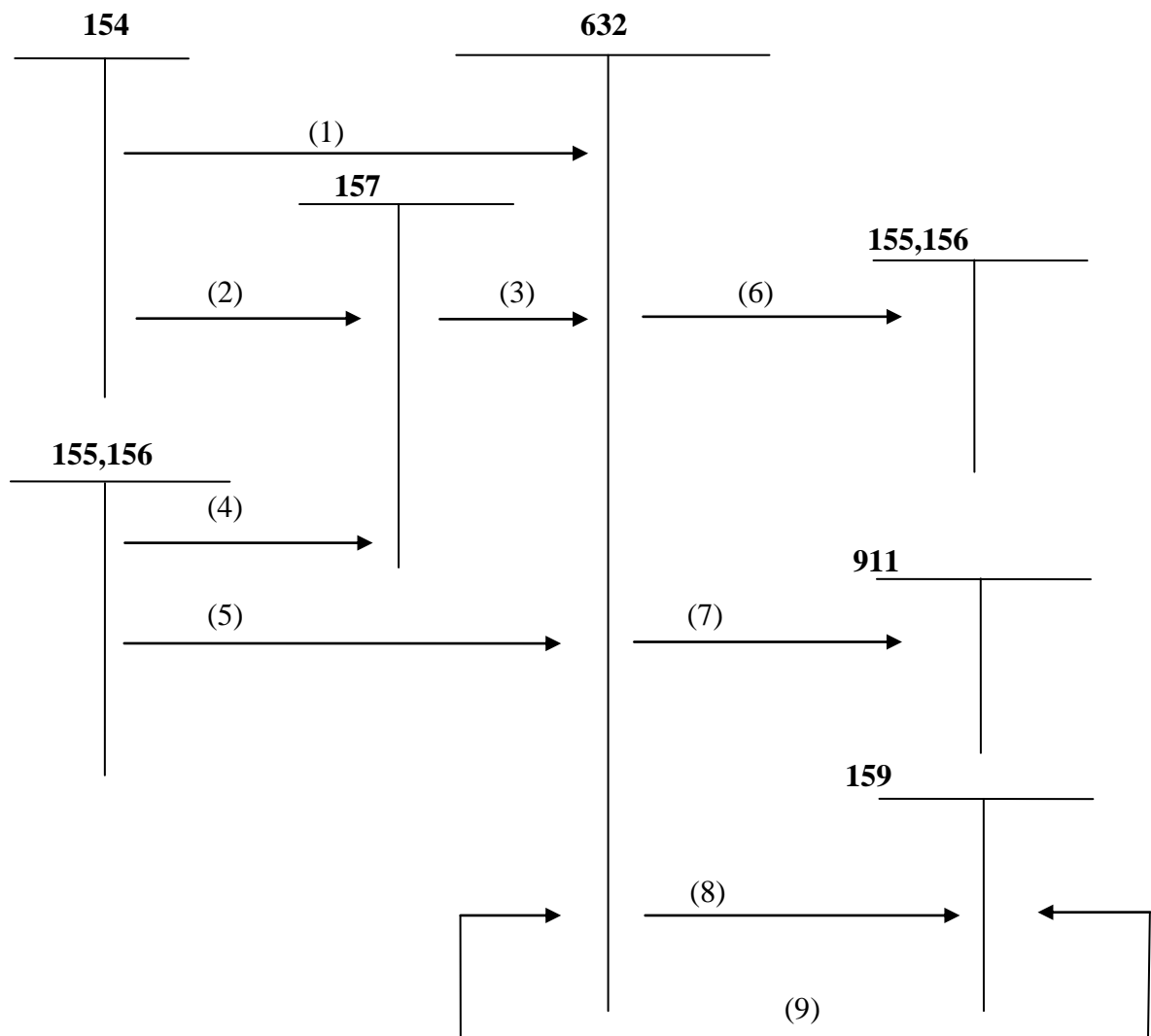
## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

### TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá vốn hàng đã bán.</li><li>- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li><li>- Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho.</li><li>- Đối với hoạt động bất động sản đầu tư, phản ánh:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;</li><li>+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;</li><li>+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;</li><li>+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;</li><li>+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.</li><li>+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;</li></ul></li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.</li><li>- Hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li><li>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</li><li>- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;</li></ul>

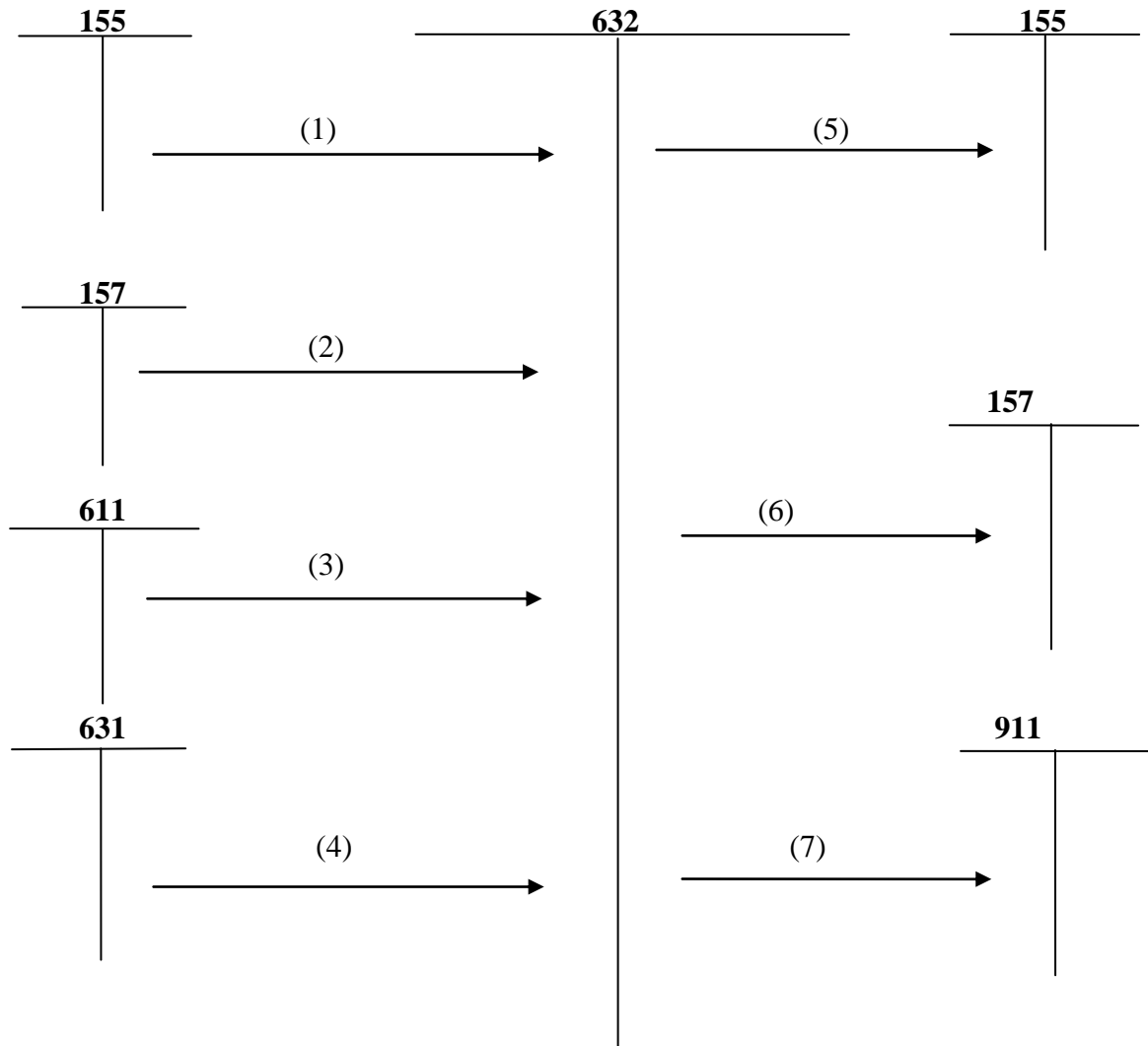
➤ **Sơ đồ 1.3 : Theo phương pháp kê khai thường xuyên.**



- (1): Thành phẩm sản xuất ra tiêu thụ ngay không qua nhập kho.
- (2): Thành phẩm sản xuất ra gửi đi bán không qua nhập kho.
- (3): Khi hàng gửi đi bán được xác định là tiêu thụ.
- (4): Thành phẩm, hàng hóa xuất kho gửi đi bán.
- (5): Xuất kho thành phẩm hàng hóa để bán.
- (6): Thành phẩm hàng hóa đã bán bị trả lại nhập kho.
- (7): Cuối kỳ kết chuyển giá vốn hàng bán của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ.
- (8): Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- (9): Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## ➤ Sơ đồ 1.4 : Theo phương pháp kiểm kê định kỳ



(1): Đầu kỳ, kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.

(2): Đầu kỳ, kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã gửi bán chưa xác định là tiêu thụ đầu kỳ.

(3): Cuối kỳ, xác định và kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán được xác định là tiêu thụ (doanh nghiệp thương mại).

(4): Cuối kỳ, xác định và kết chuyển giá thành của thành phẩm hoàn thành nhập kho (doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ).

(5): Cuối kỳ, kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.

(6): Cuối kỳ, kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ trong kỳ.

(7): Cuối kỳ, kết chuyển giá vốn hàng bán của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

## 1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 1.2.3.1 Kế toán chi phí bán hàng.

#### ❖ Chứng từ sử dụng:

Các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng bao gồm:

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương ( Mẫu số 01-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, CCDC ( Mẫu số 07-VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 02-TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

#### ❖ Tài khoản sử dụng:

✓ **TK641-Chi phí bán hàng:** dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm. Tài khoản 641 có kết cấu:

##### +Bên nợ:

- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

##### +Bên có:

- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán
- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 TK cấp 2 như sau:

- 6411: Chi phí nhân viên mua hàng
- 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
- 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong bán hàng
- 6415: Chi phí bảo hành sản phẩm
- 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6418: Chi phí khác bằng tiền.

### 1.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### ❖ Chứng từ sử dụng:

Các chứng từ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương ( Mẫu số 01-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, CCDC ( Mẫu số 07-VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 02-TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

### ❖ *Tài khoản sử dụng:*

✓ **TK642-Chi phí quản lý doanh nghiệp:** dùng để phản ánh các chi quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán. Tài khoản 642 có kết cấu:

#### **+Bên nợ:**

- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.

#### **+Bên có:**

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

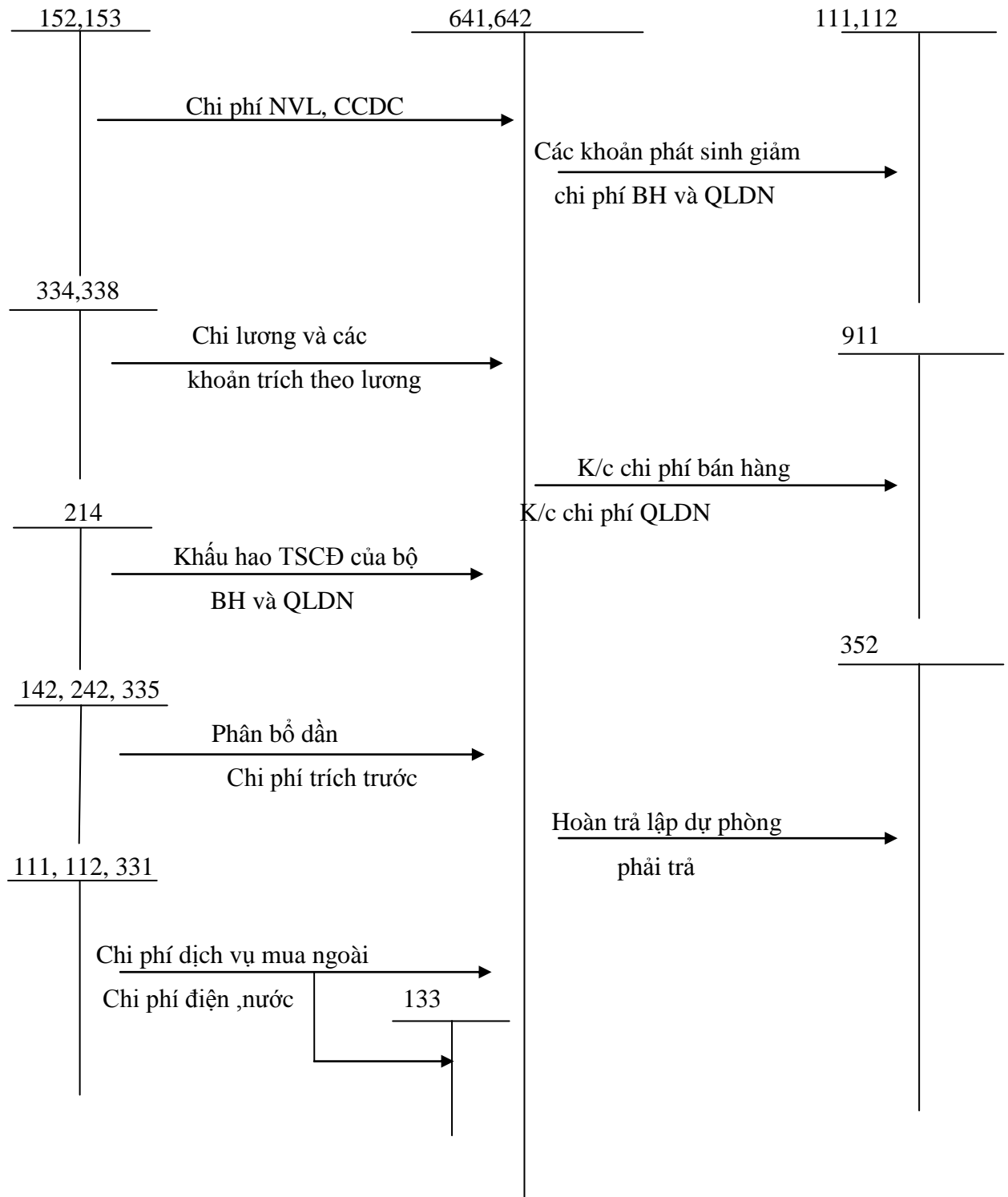
TK 642 không có số dư cuối kỳ và có 8 TK cấp 2 như sau:

- 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- 6425: Thuế, phí, lệ phí
- 6426: Chi phí dự phòng
- 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6428: Chi phí khác bằng tiền

### ***Phương pháp hạch toán:***

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Sơ đồ 1.5: hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**



## 1.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

### 1.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính:

#### ❖ Chứng từ sử dụng:

Các chứng từ có liên quan đến doanh thu tài chính:

- Phiếu thu.
- Giấy báo lãi của ngân hàng
- Các hợp đồng vay vốn
- Biên bản góp vốn liên doanh liên kết
- Các chứng từ khác có liên quan

#### ❖ Tài khoản sử dụng

✓ **TK515-Doanh thu tài chính**: dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

#### **Kết cấu**

##### **+Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

##### **+Bên có:**

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

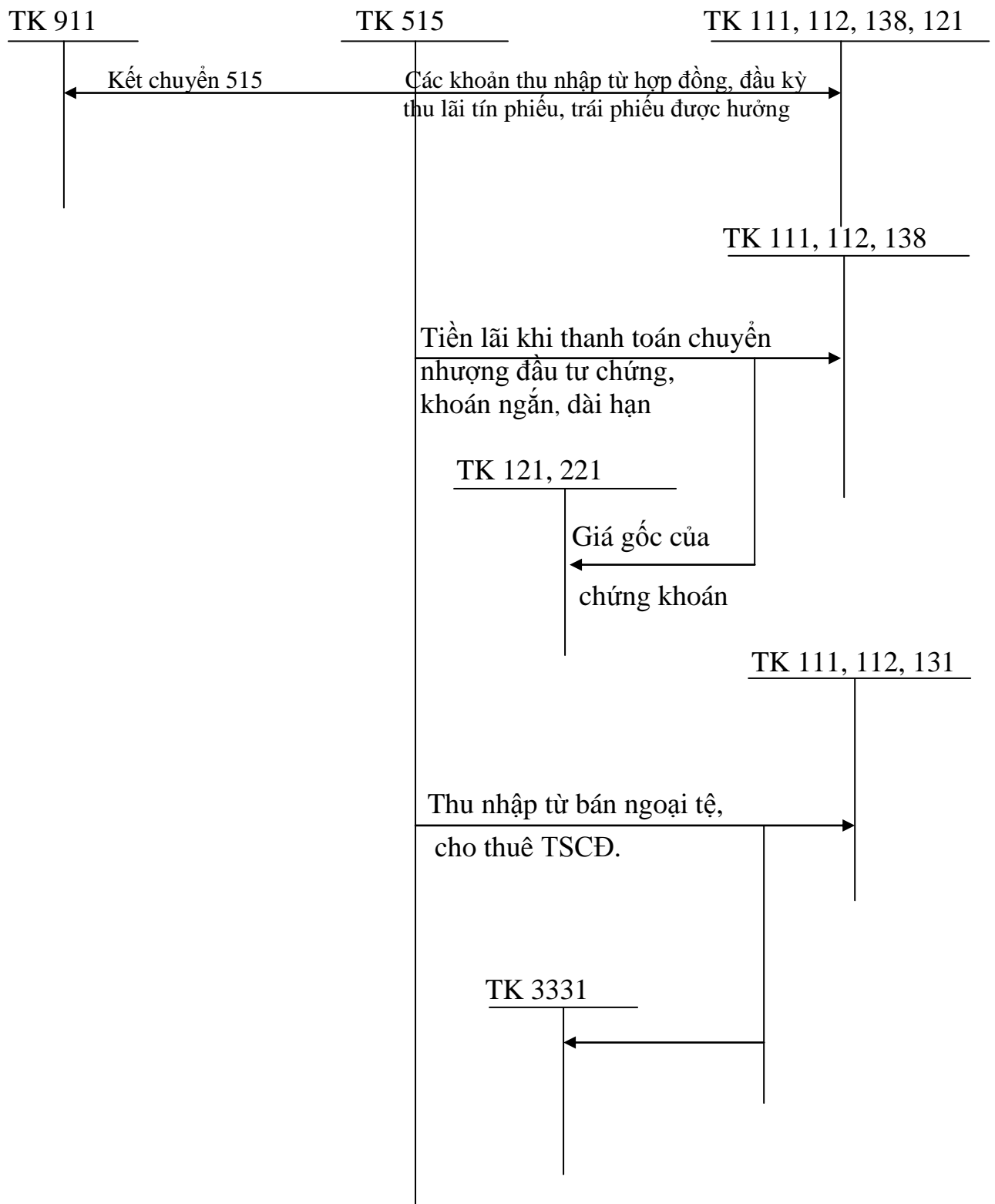
TK 511 không có số dư cuối kỳ

#### **Phương pháp hạch toán:**



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## ► Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu tài chính



### 1.2.4.2 Kế toán chi phí tài chính:

#### ❖ Chứng từ sử dụng:

Các chứng từ có liên quan đến chi phí tài chính:

- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các hợp đồng vay vốn
- Biên bản góp vốn liên doanh liên kết
- Các chứng từ khác có liên quan

#### ❖ Tài khoản sử dụng

✓ **TK 635-Chi phí tài chính:** dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính. Tài khoản 635 có kết cấu:

##### +Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư ngắn hạn
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư, XDCB (lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính)
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

##### +Bên có:

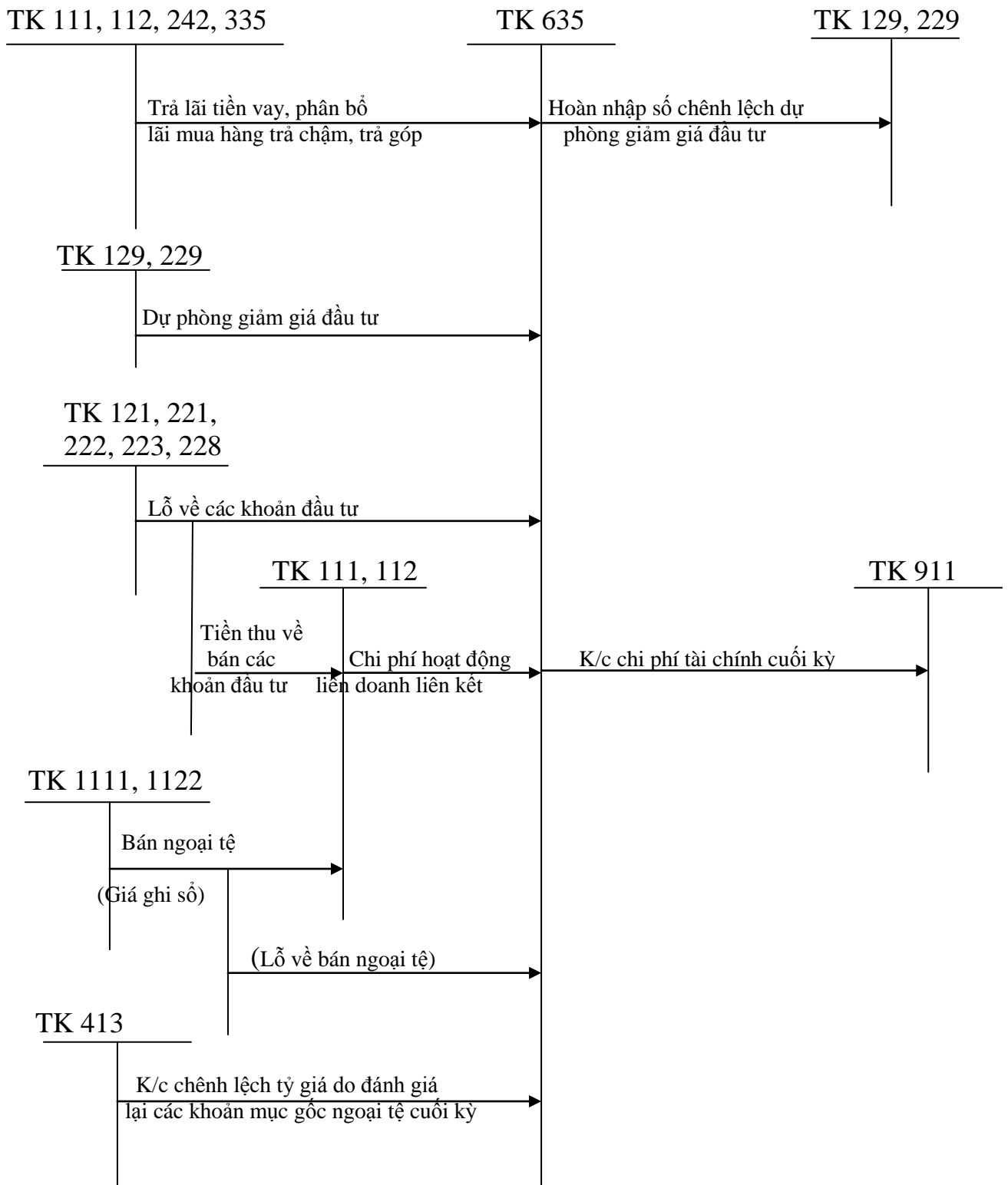
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ.

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Phương pháp hạch toán:

### ► Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí tài chính



## 1.2.5 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.

### 1.2.5.1 Kế toán thu nhập khác:

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (Nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu.
- Giấy có của ngân hàng.
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

#### ❖ Tài khoản sử dụng

✓ **TK 711-Thu nhập khác, tài khoản 711 có kết cấu:**

**+Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có)
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

**+Bên có:**

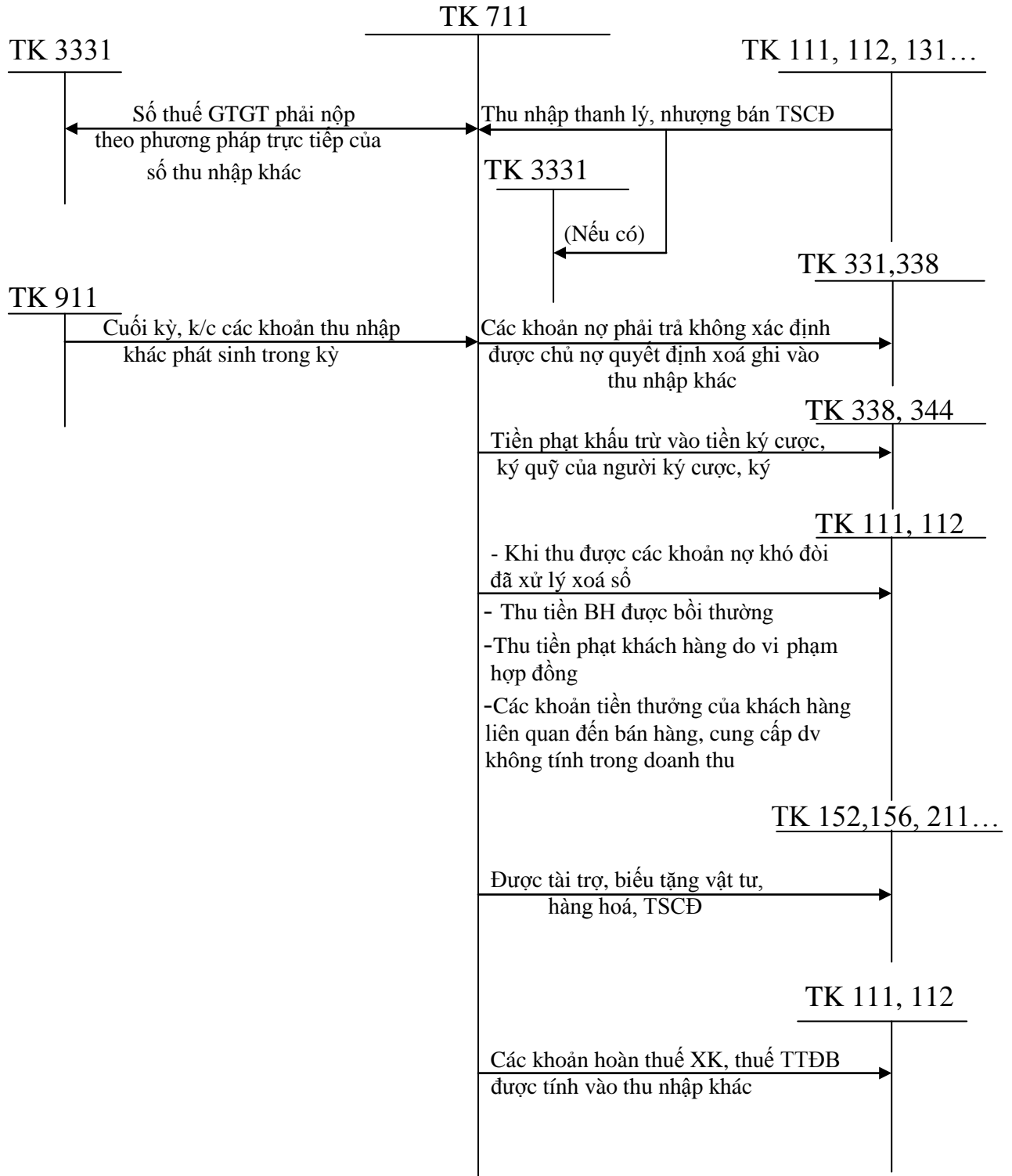
- Các khoản thu nhập khác phát sinh
- TK711 không có số dư cuối kỳ.

### ***Phương pháp hạch toán***

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

### ► Sơ đồ 1.8: Kế toán thu nhập khác



### 1.2.5.1 *Kế toán chi phí khác:*

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (Nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

#### ❖ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu chi.
- Giấy nợ của ngân hàng.
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

#### ❖ *Tài khoản sử dụng*

✓ **TK811- Chi phí khác, tài khoản 811 có kết cấu:**

**+Bên nợ:**

- Các khoản chi phí khác phát sinh

**+Bên có:**

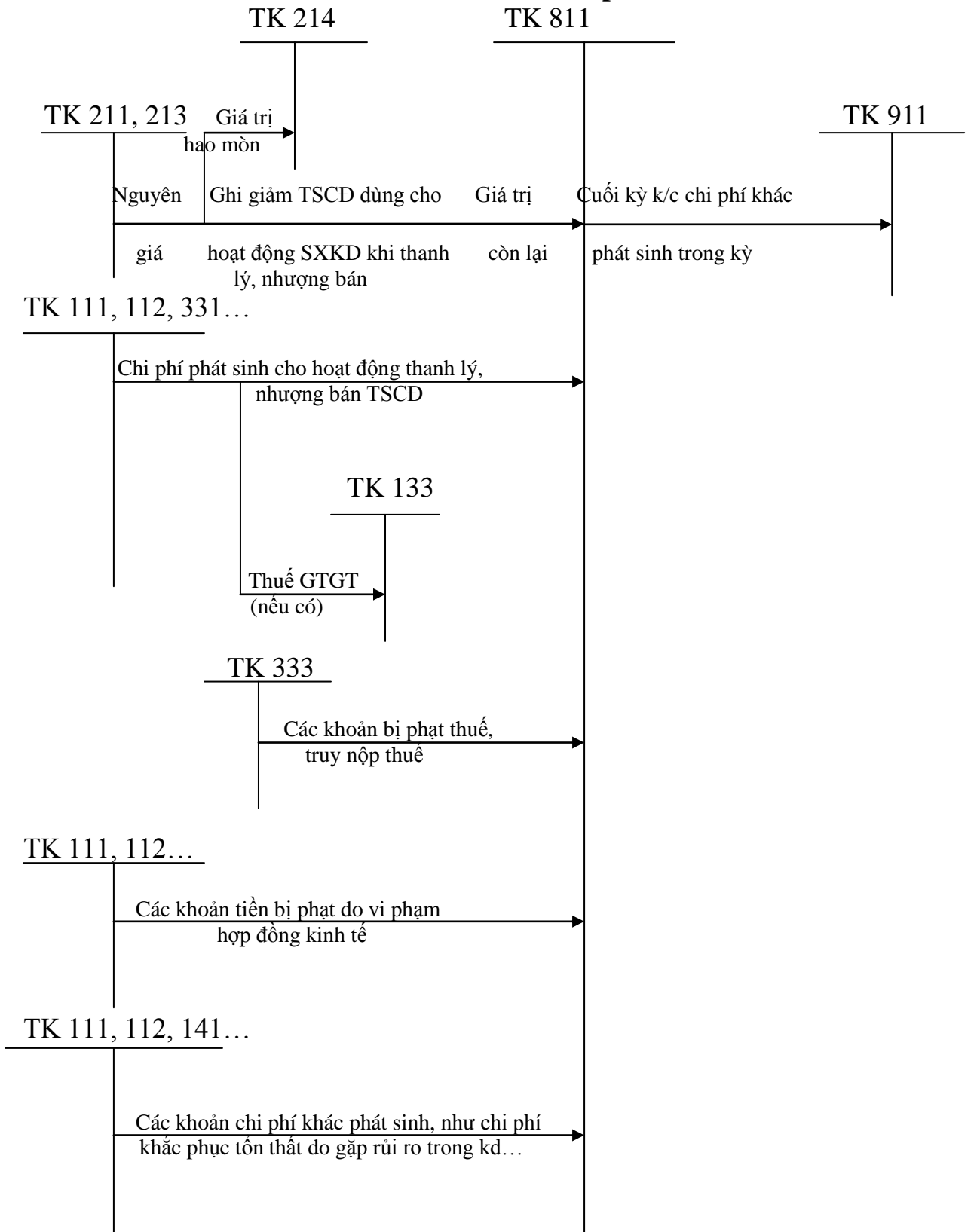
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 811 không có số dư cuối kỳ.

#### ***Phương pháp hạch toán***

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## ► Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí khác





### 1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm hàng hoá, lao vụ, dịch vụ), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

***Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

***Tài khoản sử dụng:***

✓ ***TK911-Xác định kết quả kinh doanh***

Tài khoản này dùng để phản ánh xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

**Kết cấu**

**+Bên nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá dịch vụ bán ra trong kỳ
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN, chi phí khác
- Kết chuyển lãi

**+Bên có:**

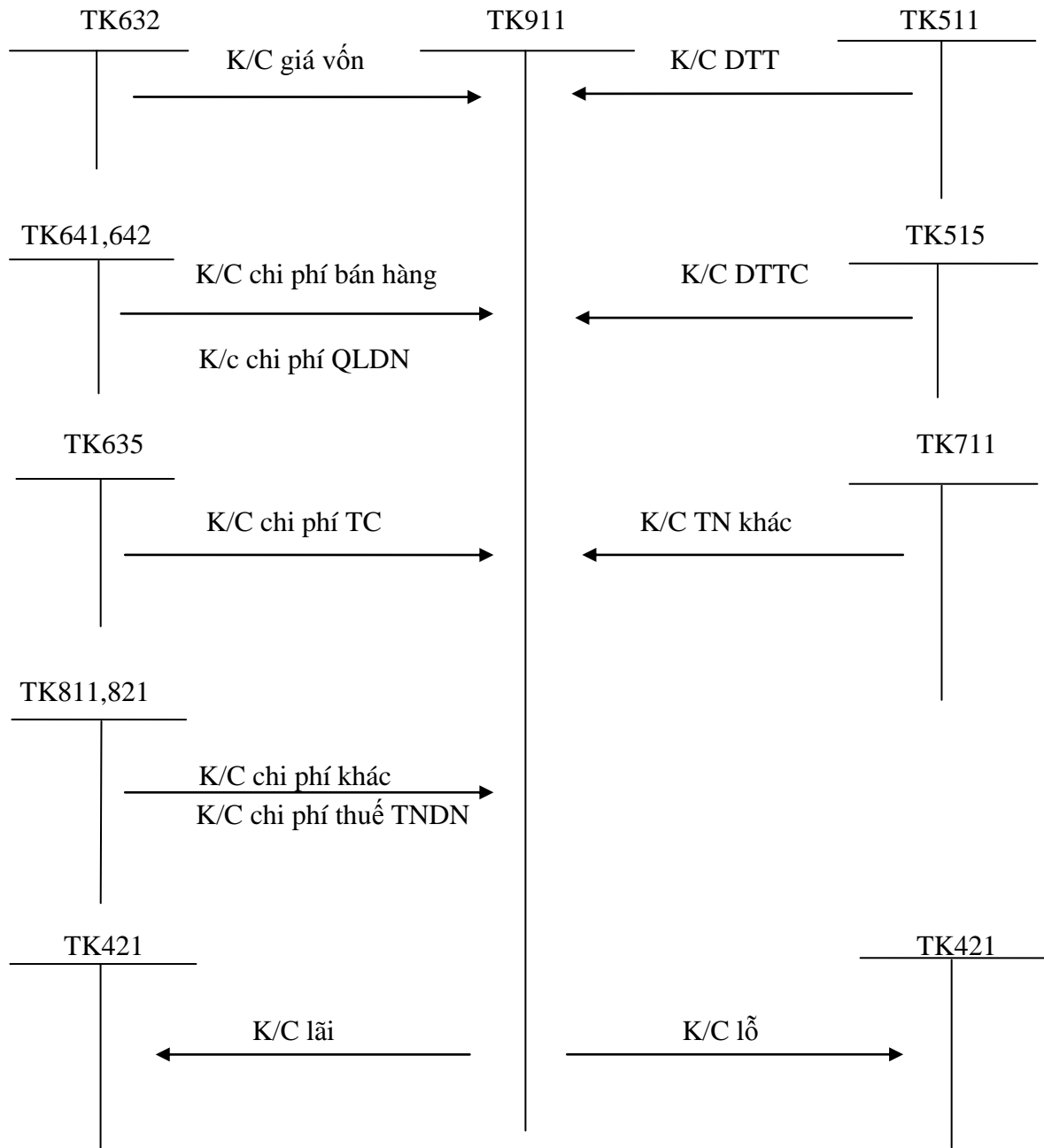
- Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ.
- Doanh thu thuần hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.
- Kết chuyển lỗ

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản có liên quan khác như: TK 111, 112, 333,421, 414, 431, 511, ...

***Phương pháp hạch toán:***

Sơ đồ 1.10: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh.



---

## CHƯƠNG II

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT.

#### 2.1 Khái quát chung về Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật.

##### 2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật.

Các thông tin cơ bản về Công ty :

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT**
- Tên tiếng Anh : VIET NHAT STEEL JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: THÉP VIỆT NHẬT
- Giám Đốc/Tổng Giám Đốc: Nguyễn Văn Bình
- Mã số thuế:0200289981
- Hệ thống quản lý: ISO 9001:2000; ISO 14001:2004: VLAS 156
- Trụ sở : Km9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Điện thoại : (84-31)3749998                      Fax : (84-31)3748452
- Địa chỉ Email : [HPS@hn.vnn.vn](mailto:HPS@hn.vnn.vn)    website :Thepvietnhat.vnn.vn

Công ty cổ phần Thép Việt Nhật được thành lập theo giấy phép thành lập số 00668/GP-03 ngày 27 tháng 11 năm 1998 của UBND thành phố Hải Phòng.

Giấy chứng nhận kinh doanh số 055556 ngày 18 tháng 12 năm 1998 của Sở kế hoạch và đầu tư với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng, số vốn đầu tư là 140 tỷ đồng.

Công ty có chức năng nhiệm vụ như sau :

- Kinh doanh và sản xuất các loại thép.
- Xây dựng kinh doanh và phát triển nhà ở.
- Sản xuất kinh doanh hợp kim Ferro.

Công ty có công suất thiết kế 240.000 tấn sản phẩm/năm với các sản phẩm thép tròn đót, thép tròn cuộn và thép tròn trơn. Sản phẩm của thép Việt Nhật chủ yếu phục vụ xây dựng, đường kính cỡ từ  $\Phi 8$  đến  $\Phi 40$ , đã được đăng ký bản quyền tại

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Cục phát minh sáng chế của Bộ công nghệ môi trường theo tiêu chuẩn của Việt Nam và Nhật Bản.

Chính thức đi vào hoạt động và cung cấp sản phẩm ra thị trường từ tháng 5/2001, thép Việt Nhật nhanh chóng trở thành một thương hiệu nổi tiếng trên địa bàn Hải Phòng và cả nước. Đây là sản phẩm chính của Công ty cổ phần thép Việt- Nhật, một doanh nghiệp mới có hơn 10 năm hoạt động nhưng lại có bề dày thành tích đáng nể.

Thương hiệu thép Việt Nhật ngay từ khi mới ra đời đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường và tạo dấu ấn trên nhiều công trình. Điều này được minh chứng và khẳng định qua việc thép Việt- Nhật luôn được các nhà thầu lớn của quốc gia và quốc tế chọn để xây dựng nhiều công trình trọng điểm của đất nước.

Công trình cầu Thanh Trì được hoàn thành và đưa vào sử dụng là niềm tự hào lớn của thép Việt- Nhật. Với uy tín, chất lượng, hiệu quả, Công ty cổ phần thép Việt - Nhật là đơn vị cung cấp thép chính để xây dựng cây cầu này. Cụ thể, công ty cung cấp hơn 50.000 tấn thép các loại, từ D10 đến D41.

Thép Việt Nhật cũng tạo dấu ấn trên nhiều công trình lớn khác như Trung tâm Hội nghị Quốc gia, cầu Vĩnh Tuy, Khu đô thị Nam Trung Yên, Khu đô thị Trung Hoà- Nhân Chính (Hà Nội); cầu Bính-Hải Phòng, Trung tâm Hội chợ triển lãm quốc tế, [cảng](#) Đình Vũ, Nhà máy nhiệt điện Tam Hưng ( Hải Phòng); [cảng](#) Cái Lân ([Quảng Ninh](#)); hầm đèo Hải Vân, Sân vận động Chi Lăng (Đà Nẵng); Bệnh viện Trung ương Huế, Khách sạn Hoàng Đế, Khách sạn Hùng Vương ( Huế) cùng các công trình khác như Nhà máy nhiệt điện Na Dương, Nhà máy thủy điện Sơn La...

Để đạt được những thành quả như vậy, ngay từ khi mới đi vào hoạt động, thép Việt Nhật luôn tuân thủ và chấp hành nghiêm ngặt các quy định, tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm. Thương hiệu thép Việt Nhật được đăng ký bản quyền tại Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam và đạt tiêu chuẩn JIS ( Nhật Bản), TCVN (Việt Nam), ASTM ( Hoa Kỳ) và BS (Vương quốc Anh)...

Hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001: 2000 và hệ thống quản lý quốc tế về môi trường ISO 14001 : 1996 được công ty áp dụng ngay trong quá trình triển khai

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

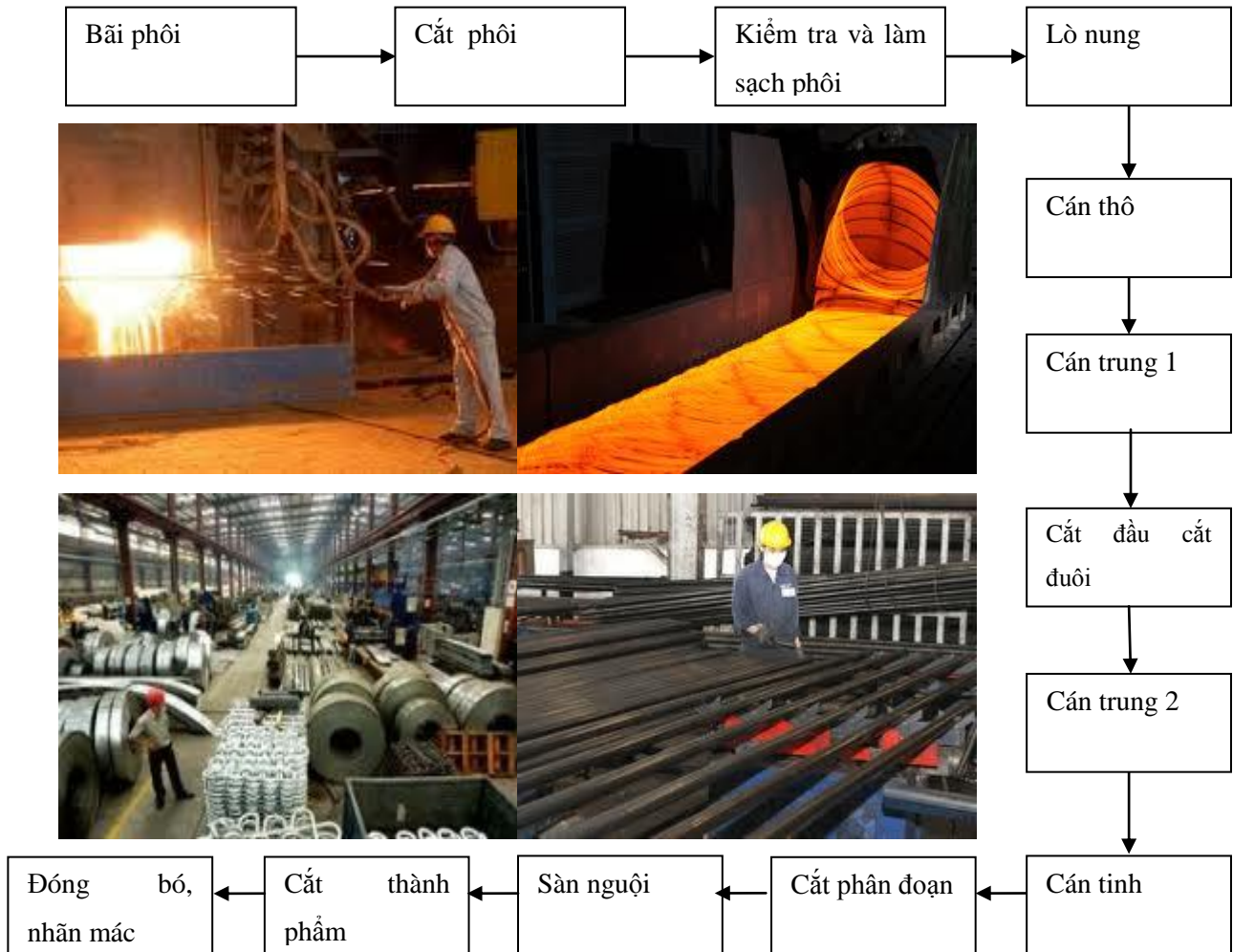
xây dựng nhà máy. Công ty có phòng thử nghiệm cơ lý được công nhận hợp chuẩn hệ quốc gia và quốc tế mã hiệu Vilas 156... Chính vì vậy, bước chân vào nhà máy, ai cũng có cảm giác thư thái, dễ chịu nhờ hệ thống cây xanh, cây cảnh và cách bố trí hợp lý của dây chuyền sản xuất, hệ thống lọc bụi, giảm tiếng ồn. Thép Việt Nhật đạt tiêu chuẩn của một nhà máy sản xuất công nghiệp hiện đại.

Nhờ không ngừng đổi mới về mọi mặt, nhờ tạo dựng được uy tín về thương hiệu, thép Việt Nhật có bước phát triển khá nhanh. Vốn điều lệ khi mới thành lập là 30 tỷ đồng, nay được nâng lên 140 tỷ đồng; doanh thu hàng năm đạt hơn 1000 tỷ đồng; nộp ngân sách trên 50 tỷ đồng, giải quyết việc làm và thu nhập cho hơn 200 lao động. Công ty nhiều năm liền tham gia các hội chợ triển lãm trong nước, quốc tế và đều đạt được giải thưởng. Đây cũng là một trong các doanh nghiệp tiêu biểu của thành phố Hải Phòng.

Với những bước đi bài bản, phù hợp với nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, Công ty cổ phần thép Việt- Nhật với thương hiệu thép Việt Nhật ngày càng phát triển một cách bền vững, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của thành phố và đất nước.

2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật.

**SƠ ĐỒ 2.1: QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THÉP THANH CỦA NHÀ MÁY CÁN THÉP VIỆT NHẬT**



**Hệ thống công nghệ sản xuất thép của nhà máy cán thép gồm :**

*a. Chuẩn bị phôi :*

- Phôi dùng cho cán 120\*120\*6m. Phôi được cắt theo đoạn tùy theo yêu cầu công nghệ cán các sản phẩm. Công nhân tổ phôi có trách nhiệm chuẩn bị phôi cho quá trình sản xuất.

*b. Nung thép :*

- Công nhân lò nung nhận phôi do tổ cắt phôi cung cấp , tiến hành nạp liệu, vận hành lò cung cấp cho cán kịp thời , đầy đủ phôi cán, nhiệt độ từ 1150 ÷ 1200°C.

*c. Tại máy cán thô φ480 :*

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Tại máy cán thô phôi có kích thước 120\*120 thực hiện 7 lần cán. Vật cán sau khi đi qua K7 phải đạt được kích thước theo thiết kế tiết diện cân đối, không bị Bavia, vắn xoắn, cong vênh, phải đạt nhiệt độ  $\geq 1100^{\circ}\text{C}$ . Công nhân lái máy trên đài số 3 phải thao tác nhịp nhàng đảm bảo quá trình cán ổn định, an toàn. Thực hiện đúng hướng dẫn vận hành. Việc thay trục cán, cán thử sản phẩm cũng như trong quá trình cán bình thường người công nhân công nghệ phải thực hiện đầy đủ các hướng dẫn có liên quan.

### *d. Máy cán trung (M2)*

- Tại máy cán trung M2,  $\phi 430*2$  tiến hành 2 lần cán thẳng. Vật cán đi qua K10, K11, kích thước sản phẩm phải điều chỉnh đúng theo thiết kế vật cán, không được cong vênh, vắn xoắn, Ba via.

### *e. Máy cắt bay ( máy cắt đầu )*

Máy cắt đầu làm việc ở chế độ tự động có nhiệm vụ cắt bỏ các khuyết tật ở đầu thanh thép khi cán qua K11.

### *f. Máy cắt đuôi :*

Cắt đuôi sản phẩm nhằm loại bỏ hết các khuyết tật ở đuôi sản phẩm.

### *g. Máy cán bán tinh M4, M5, M6- Máy cán tinh M7, M8, M9, M10.*

- Trên đường cán liên tục từ cụm máy cán M4 ÷ M10. Công nhân thao tác tại các máy phải luôn quan tâm đến kích thước vật cán tại các giá máy cán, bảo đảm theo yêu cầu thiết kế để quá trình cán được ổn định và sản phẩm có kích thước, chất lượng đúng theo yêu cầu. Công nhân điều chỉnh phải thường xuyên (10 ÷ 15'). Kiểm tra kích thước sản phẩm trao đổi nhân viên KCS trực tiếp theo dõi sản phẩm để kịp thời điều chỉnh, khắc phục các khuyết tật của sản phẩm. Khi gặp sự cố thép bật khỏi đường cán ( không ăn vào lỗ hình ) phải nhanh chóng khắc phục để cán hết các thoi thép đang nằm trên giá cán thô. Sau đó cần thiết mới dùng cán để sửa chữa cho chắc chắn.

### *h. Máy cắt đĩa ( Máy cắt chia )*

- Máy cắt đĩa ở vị trí cắt phân đoạn sản phẩm từ D10 – D32. Máy cắt đĩa làm việc ở chế độ tự động, nó được cài đặt chiều dài của đoạn cắt là bội số chiều dài



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

thành phẩm đóng bó và số lần cắt đủ để cắt hết chiều dài sản phẩm cán. Không cắt những thanh thép bị kẹt đã dừng lại và những thanh thép nguội nhiệt độ dưới 800°C. Tốc độ cắt phải nhanh hơn tốc độ cán  $5 \div 10\%$

### *i. Máy đẩy tiếp*

- Máy đẩy tiếp đẩy sản phẩm lên các máng kín trên tường đứng sàn nguội khi máy cắt đĩa đã chia đoạn. Công nhân vận hành phối hợp cùng công nhân sửa chữa cơ điện, công nhân sàn nguội trong lúc giải quyết sự cố thiết bị cũng như sự cố công nghệ.

### *j. Sàn nguội*

Thép qua máy đẩy tiếp, lên các máng ở tường đứng sàn nguội, hệ thống phanh, hệ thống đóng mở máng làm việc ở chế độ tự động, rơi thép xuống sàn làm nguội cố định, lần lượt, hệ thống thanh răng động mang thép đi với bước chuyển 50mm qua hết chiều ngang của sàn.

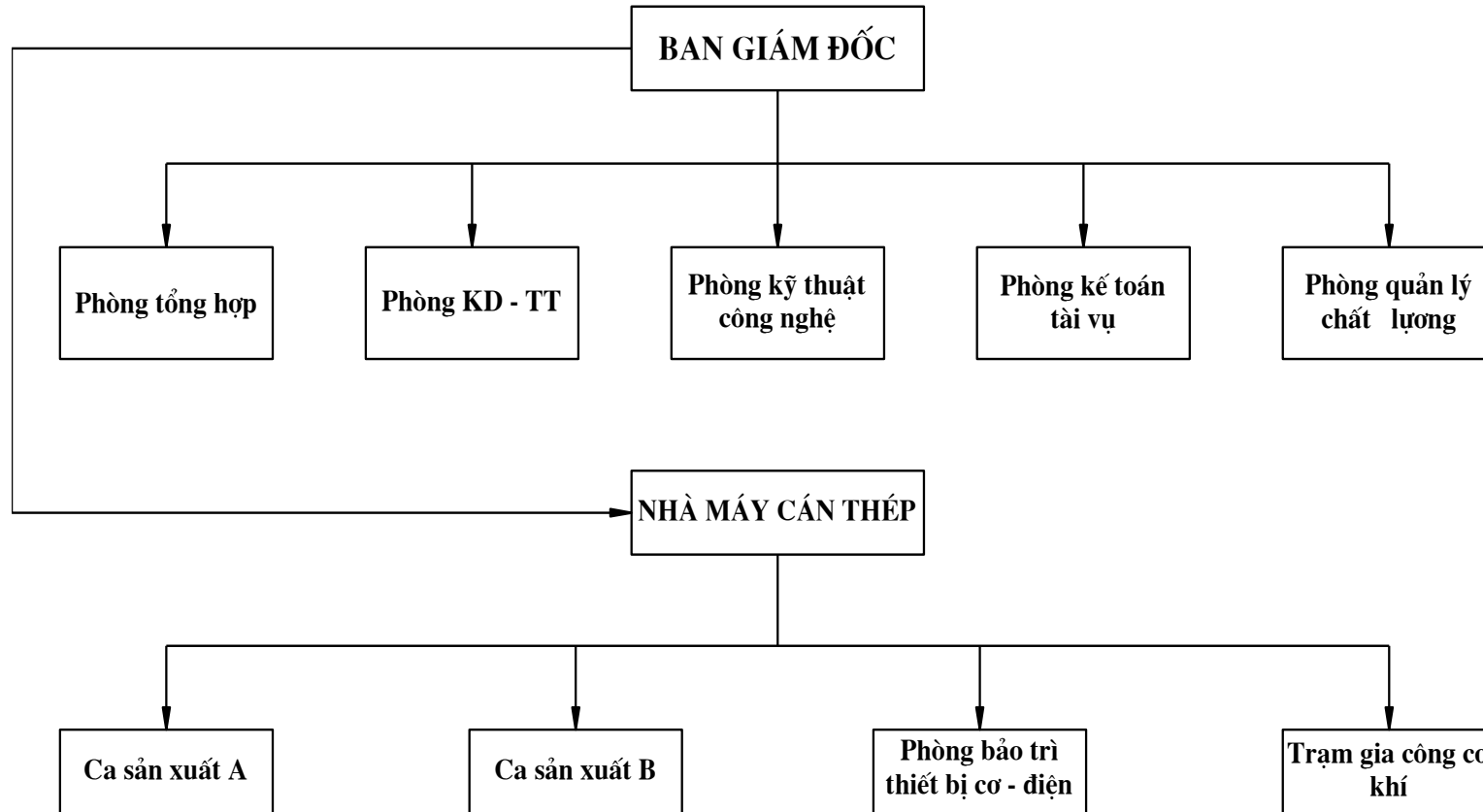
### *l. Đóng bó, cân nhập kho*

Sau cắt nguội, thép thành phẩm được con lăn sàn nguội chuyển đến vị trí, thiết bị chuyển tới hố gom, để đóng bó, công việc bó buộc xong sản phẩm chuyển sang cân xác định trọng lượng.



2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật.

**SƠ ĐỒ 2.2 : SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT**



**SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT**

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

## ***Chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh, phòng ban***

### ***\* Ban Giám đốc :***

Ban Giám đốc của Công ty do Hội đồng quản trị bầu và bãi nhiệm. Ban Giám đốc công ty là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau :

- + Quyết định về tất cả các vấn đề có liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty.
- + Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
- + Tổ chức thực hiện những kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
- + Kiến nghị phương án bố trí tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.
- + Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh tổ chức trong công ty, trừ các chức danh trong HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
- + Quyết định lương và phụ cấp ( nếu có ) đối với người lao động trong công ty, kể cả những cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- + Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, quyết định của HĐQT.

### ***\* Giám đốc :***

Giám đốc kinh doanh, giám đốc sản xuất, giám đốc chất lượng, giám đốc hành chính, giám đốc tài chính. Đây là bộ phận có nhiệm vụ giúp việc cho Ban Giám đốc trong các công việc hàng ngày của công ty. Mỗi giám đốc chịu trách nhiệm trong một lĩnh vực.

### ***\* Phân xưởng sản xuất :***

Bao gồm nhiều tổ sản xuất có nhiệm vụ tiến hành sản xuất sản phẩm theo kế hoạch đã được vạch ra. Mỗi tổ sản xuất có một tổ trưởng chịu trách nhiệm đơn đốc, kiểm tra công việc của các công nhân trong tổ của mình.

### ***\* Phòng tổng hợp :***

Chịu sự điều hành trực tiếp của Giám đốc Hành chính tổng hợp về công tác tổ chức nhân sự của công ty. Phòng hành chính tổng hợp sẽ có nhiệm vụ lưu giữ và theo dõi nhân sự của Công ty, đồng thời cũng bao quát mọi hoạt động chung của Công ty.

### ***\* Phòng Kinh doanh Thị trường :***

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Chịu sự điều hành trực tiếp của Giám đốc kinh doanh về công tác tổ chức bán hàng hoá, sản phẩm dịch vụ. Phòng này có trách nhiệm thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hoá. Làm công tác tiếp thị kinh doanh và tổ chức bán hàng dự trữ. Tìm cách để tiêu thụ được hàng hoá và quảng bá về các sản phẩm của công ty. Chủ động nghiên cứu thị trường, thị hiếu người tiêu dùng và tính năng sử dụng của các sản phẩm theo nhu cầu của người dân.

*\* Phòng kỹ thuật công nghệ :*

- Tổ chức quản lý việc thực hiện quá trình công nghệ.
- Tổ chức theo dõi việc quản lý bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị lên kế hoạch dự toán các hạng mục đại tu, trung tu dây chuyền thiết bị.
- Thiết kế công nghệ, thiết bị mới phục vụ sản xuất.
- Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng sản phẩm và các hạng mục cần thiết về vật tư, thiết bị, dây chuyền sản xuất.

*\* Phòng kế toán tài vụ :*

- Trợ giúp lãnh đạo công ty trong việc quản lý, sử dụng vốn và nguồn vốn.
- Tổ chức công tác thu thập, xử lý các thông tin có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.
- Lên kế hoạch tài chính cho từng tuần, tháng, quý, năm.
- Báo cáo các thông tin tài chính kế toán .

*\* Phòng quản lý chất lượng :*

- Lập và quản lý hệ thống chất lượng tại công ty.
- Theo dõi, áp dụng quy trình quản lý chất lượng, tổng hợp, đề ra các phương án cải tiến chất lượng sản phẩm .
- Kiểm soát, quản lý chất lượng toàn bộ vật tư đầu vào, kiểm soát quá trình cán thép và sản phẩm thép cán ra.
- Báo cáo các thông tin về chất lượng sản phẩm.
- Đăng ký định kỳ chất lượng sản phẩm.

*\* Nhà máy cán thép :*

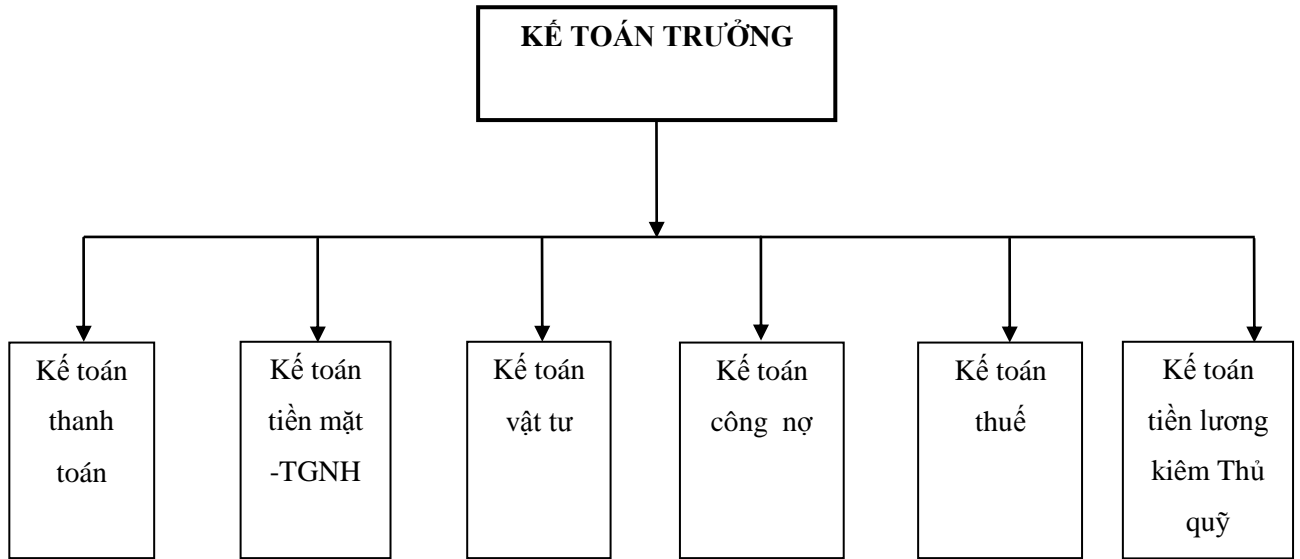
- Tổ chức thực hiện kế hoạch do ban Giám đốc đề ra.

- Quản lý hệ thống dây chuyền sản xuất.
- Quản lý công nhân trong nhà máy.

## 2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật.

### 2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật.

#### SƠ ĐỒ 2.3: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN



- **Nhiệm vụ từng bộ phận trong bộ máy kế toán :**

- + **Kế toán trưởng :**

Là người thực hiện việc tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, thống kê của đơn vị đồng thời còn thực hiện chức năng kiểm soát các hoạt động kinh tế tài chính của đơn vị. Ngoài ra kế toán trưởng còn đảm nhiệm việc tổ chức và chỉ đạo công tác tài chính. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước thủ trưởng đơn vị về công tác thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn được giao.

Trách nhiệm cụ thể của kế toán trưởng là tổ chức bộ máy kế toán thống kê, phản ánh đầy đủ, kịp thời mọi hoạt động của đơn vị, lập đầy đủ, đúng hạn báo cáo thống kê, thực hiện việc trích nộp thanh toán theo đúng chế độ, đúng quy định về kiểm kê, kiểm tra, kiểm soát, chấp hành luật pháp, đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn... đồng thời không ngừng củng cố và hoàn thiện chế độ hạch toán kinh tế trong đơn vị.

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Kế toán trưởng có quyền phân công, chỉ đạo trực tiếp tất cả nhân viên kế toán, thống kê làm việc tại đơn vị. Có quyền yêu cầu các cán bộ khác trong đơn vị cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết cho công tác kế toán và kiểm tra các loại báo cáo kế toán cũng như các hợp đồng phải có chữ ký của kế toán trưởng. Kế toán trưởng được quyền từ chối không thực hiện những mệnh lệnh vi phạm pháp luật đồng thời báo cáo kịp thời những hành vi vi phạm đó cho cấp trên có thẩm quyền.

### + Kế toán thanh toán:

Chịu trách nhiệm theo dõi các khoản công nợ với khách hàng, lập và quản lý những chứng từ như: phiếu thu, phiếu chi, các chứng từ liên quan đến công nợ với khách hàng... đồng thời hàng ngày phải phản ánh số liệu vào các sổ sách có liên quan như sổ chi tiết thanh toán với người bán, sổ cái tài khoản 131,... Kế toán thanh toán đồng thời cũng kết hợp cùng kế toán công nợ lên các báo cáo về tiền mặt hoặc các khoản chuyển khoản của khách hàng nộp vào để có độ tin cậy về thông tin khi hạch toán, tránh việc hạch toán nhầm sang tài khoản khác, ảnh hưởng tới báo cáo của kế toán.

### + Kế toán tiền mặt – TGNH:

Có nhiệm vụ giao dịch với khách hàng, thanh toán các khoản tiền mặt, TGNH liên quan giữa ngân hàng và Công ty. Lập kế hoạch tài chính cho Công ty. Có nhiệm vụ lập và bảo quản những chứng từ như: giấy báo nợ, giấy báo có... và hàng ngày vào sổ liệu cho các sổ sách kế toán có liên quan. Kế toán tiền mặt cũng có nhiệm vụ giao dịch với ngân hàng, chịu trách nhiệm báo cáo kế toán trưởng và Giám đốc tài chính các khoản nợ, các khoản vay ngân hàng, kế toán ngân hàng sẽ giao dịch trực tiếp với ngân hàng về các khoản tín dụng.

### + Kế toán vật tư hàng hoá :

Có nhiệm vụ theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho hàng hoá. Lập và quản lý những chứng từ như: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, thẻ kho... đồng thời hàng ngày phải phản ánh số liệu vào các sổ chi tiết tiêu thụ, sổ cái tài khoản 155, tài khoản 511... Kế toán vật tư hàng ngày sẽ vào sổ liệu dựa trên các hoá đơn chứng từ nhập hoặc xuất.

### + Kế toán công nợ :

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Kế toán công nợ sẽ theo dõi về tình hình nợ của khách hàng và lên báo cáo. Hàng ngày, kế toán công nợ sẽ có trách nhiệm lập báo cáo về các khoản nợ, đối chiếu công nợ với khách hàng, theo dõi tài khoản 133... Kế toán công nợ cần phải đặc biệt theo dõi tới các khoản nợ đến hạn, nợ quá hạn của khách hàng để có trách nhiệm kết hợp với phòng kinh doanh, thông báo cho phòng kinh doanh số nợ và lập bảng đối chiếu công nợ, các bảng kê tính lãi có xác nhận của phòng kế toán để tiến hành công tác đòi nợ cho công ty.

### + Kế toán thuế :

Kế toán thuế là người hạch toán thuế dựa trên các hoá đơn hàng ngày. Kế toán thuế sau mỗi tháng sẽ lập tờ khai thuế giá trị gia tăng để gửi lên cục thuế... Kế toán thuế theo dõi tài khoản 133, tài khoản 333... Kế toán thuế chịu trách nhiệm về việc lưu giữ các hoá đơn thuế giá trị gia tăng để lập các bảng kê chi tiết về thuế.

### + Kế toán tiền lương kiêm thủ quỹ:

Kế toán lương chịu trách nhiệm tổ chức tổ chức kế toán tiền lương và tập hợp chi phí kinh doanh trong kỳ. Lập và bảo quản những chứng từ như: bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán BHXH, giấy báo nghỉ ốm, giấy báo làm thêm giờ... và vào sổ liệu cho một số sổ trên.

Tại Công ty kế toán lương kiêm luôn thủ quỹ nên có nhiệm vụ bảo quản và theo dõi quỹ tiền mặt của Công ty. Hàng ngày vào sổ liệu cho sổ quỹ. Có nhiệm vụ chi tiền theo lệnh của giám đốc và kế toán trưởng. Thu tiền từ những kế toán viên hoặc nhân viên bộ phận bán hàng,...

Bên cạnh đó cuối kỳ các kế toán viên cần phải so sánh, đối chiếu số liệu với các kế toán phân hành khác để xem có trùng khớp không. Sau đó phải lấy một vài số liệu của những sổ sách, chứng từ có liên quan đến phân hành của mình để vào sổ cái các tài khoản.



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## 2.1.4.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.

Bộ máy kế toán tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi về phòng kế toán để kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán.

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức " Nhật ký chung".

Bên cạnh đó việc sử dụng kế toán máy là công cụ hữu ích giúp giải quyết nhanh các thao tác kế toán đồng thời dữ liệu in ra từ máy được sử dụng làm bản lưu trữ dữ liệu tại công ty. Công ty sử dụng phần mềm kế toán Esoft được thiết kế theo hình thức Nhật ký chung.

### Màn hình nhập liệu của phần mềm



### **2.1.4.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật.**

#### *a. Hệ thống chứng từ:*

Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống chứng từ kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Hệ thống chứng từ kế toán của Công ty bao gồm các mẫu bắt buộc và mẫu hướng dẫn bao gồm:

+ Hoá đơn GTGT, Phiếu thu, Phiếu chi, Bảng chấm công, Bảng thanh toán tiền lương, Bảng thanh toán tiền thưởng, Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, Biên bản giao, nhận TSCĐ, Biên bản kiểm kê TSCĐ, Biên bản đánh giá TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.

#### *b. Hệ thống tài khoản:*

Công ty đang sử dụng hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

### **2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.**

- Hệ thống sổ kế toán:

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự nhất định. Hiện nay Doanh nghiệp đang áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký Chung”.

- Hệ thống báo cáo:

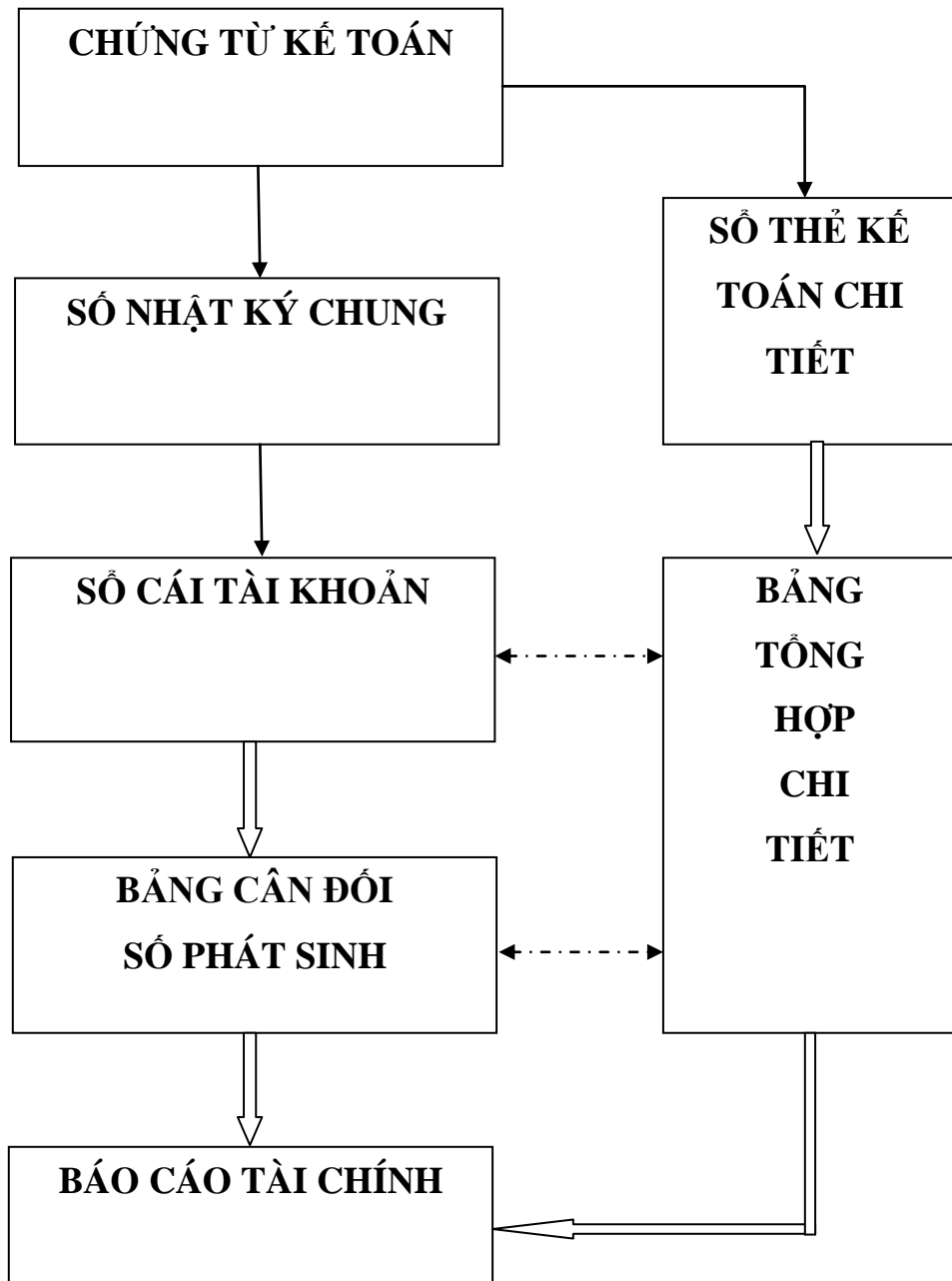
Công ty đang áp dụng hệ thống các báo cáo tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)

Nơi nộp báo cáo: Cơ quan thuế.



**SƠ ĐỒ 2.4 : TRÌNH TỰ GHI SỔ THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN  
NHẬT KÝ CHUNG**



Ghi chú:

—————> : Nhập số liệu hàng ngày

<-----> : Đối chiếu kiểm tra

=====> : Thực hiện vào cuối kỳ.

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

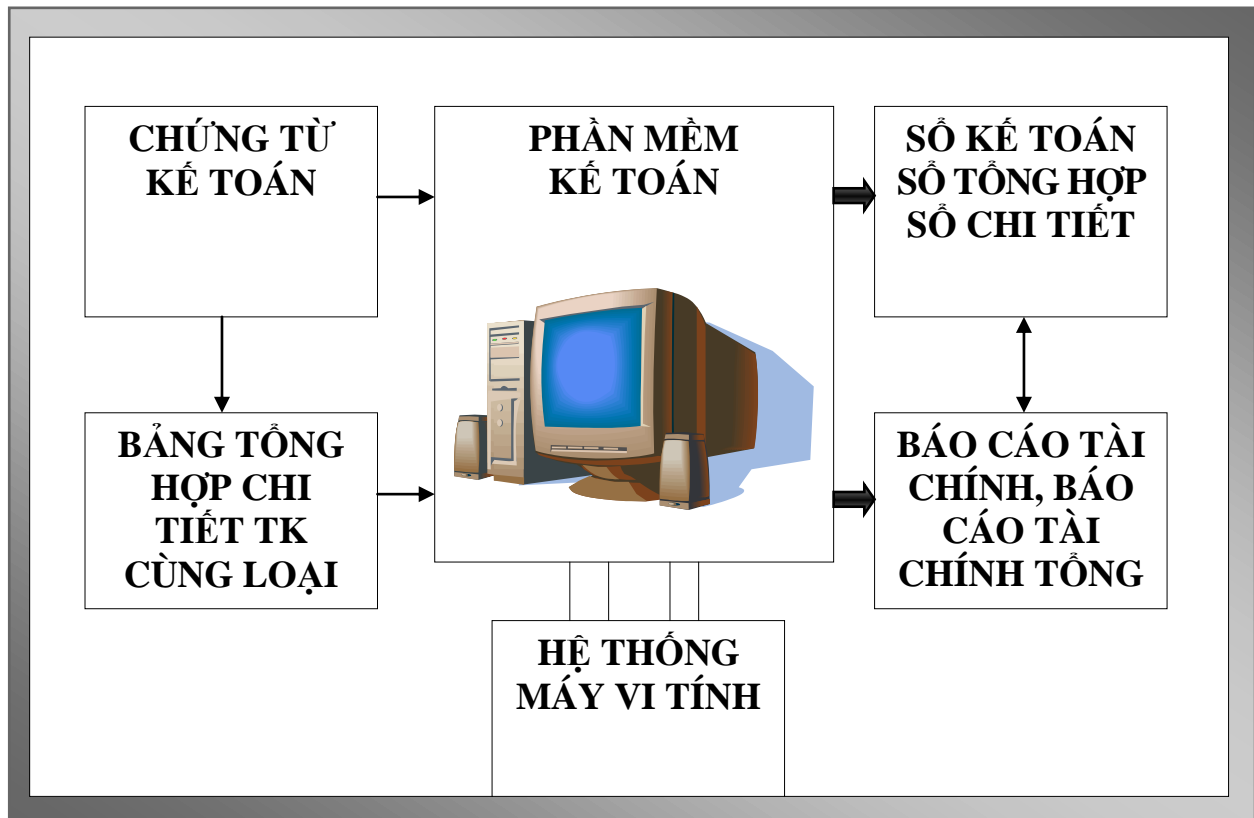
### Trình tự ghi sổ của Công ty được khái quát như sau:

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán viên nhập dữ liệu vào phần mềm Esoft. Theo trình tự được cài đặt sẵn, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung thông tin sẽ được ghi vào Sổ Cái các tài khoản có liên quan. Đồng thời từ các chứng từ gốc, thông qua khai báo chi tiết máy tính cũng tự xử lý số liệu ghi vào Sổ Chi tiết các tài khoản có liên quan.

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các bút toán khoá sổ trên máy vi tính để lập các Báo cáo. Máy tính sẽ tự xử lý số liệu từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và Sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết, sau đó theo chương trình cài đặt sẵn, số liệu được xử lý để lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về ghi chép và lưu trữ sổ sách kế toán.

### Sơ đồ 2.5: Mô hình luân chuyển trên máy vi tính được ghi nhận như sau:



Ghi chú :

- : Nhập số liệu hàng ngày( kế toán làm)
- ⇒ : In sổ, báo cáo cuối kỳ kế toán(máy làm)
- ↔ : Đối chiếu, kiểm tra( kế toán làm sau khi đã in ra giấy)

## 2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật.

### 2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

#### 2.2.1.1 Đặc điểm sản phẩm

Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật sản xuất nhiều sản phẩm. Sau đây là các sản phẩm chính mà Công ty đang sản xuất:

- ✓ Thép Tròn cuộn



Thép tròn cuộn của VPS được sản xuất theo các tiêu chuẩn JIS G3505 (Nhật Bản) và TCVN 1651-1985 (Việt Nam), kích cỡ  $\Phi 5.5$ ,  $\Phi 6$ ,  $\Phi 8$  và  $\Phi 10$ . Được sản xuất bằng dây chuyền 24 giá cán hoàn toàn tự động của Italia với tốc độ 60m/s và làm nguội trực tiếp bằng nước với áp lực lớn nên thép tròn cuộn của VPS có tiết diện tròn đều, bề mặt nhẵn bóng và có khả năng chống ôxy hoá cao.

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Thông tin chi tiết:

## Dung sai đường kính của Thép tròn cuộn

Tiêu chuẩn	Đường kính(mm)	Dung sai(mm)	Độ oval(mm)
JIS G3505_1996	Φ5.5, Φ6, Φ8, Φ10	± 0.5	0.6 max
TCVN 1650_1985	Φ6, Φ8, Φ10	± 0.5	0.7 max

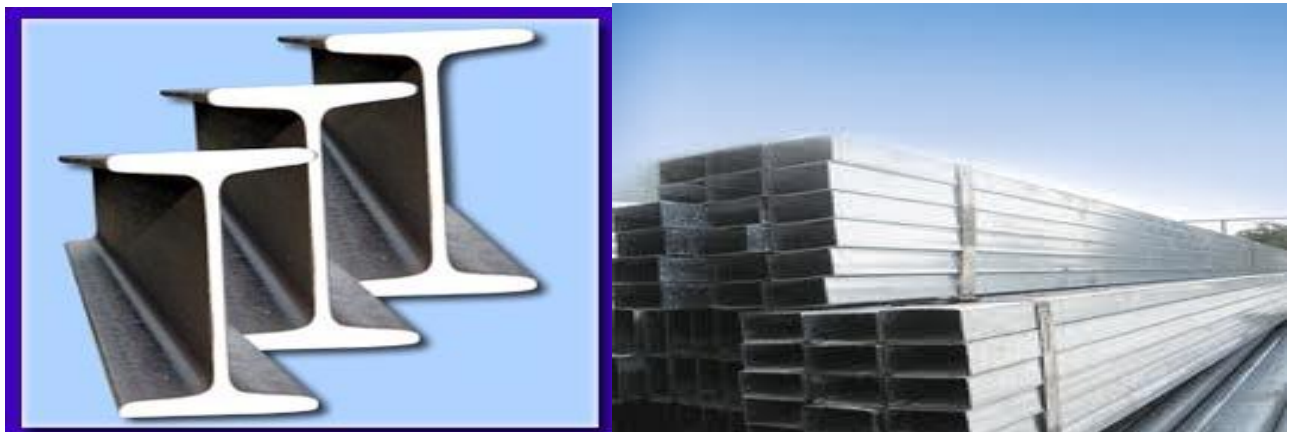
✓ Thép lá cuộn cán nguội:



Thép lá cuộn cán nguội là loại hàng hoá trong nước chưa sản xuất được do đó công ty nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài về để phục vụ nhu cầu trong nước. Thông tin chi tiết:

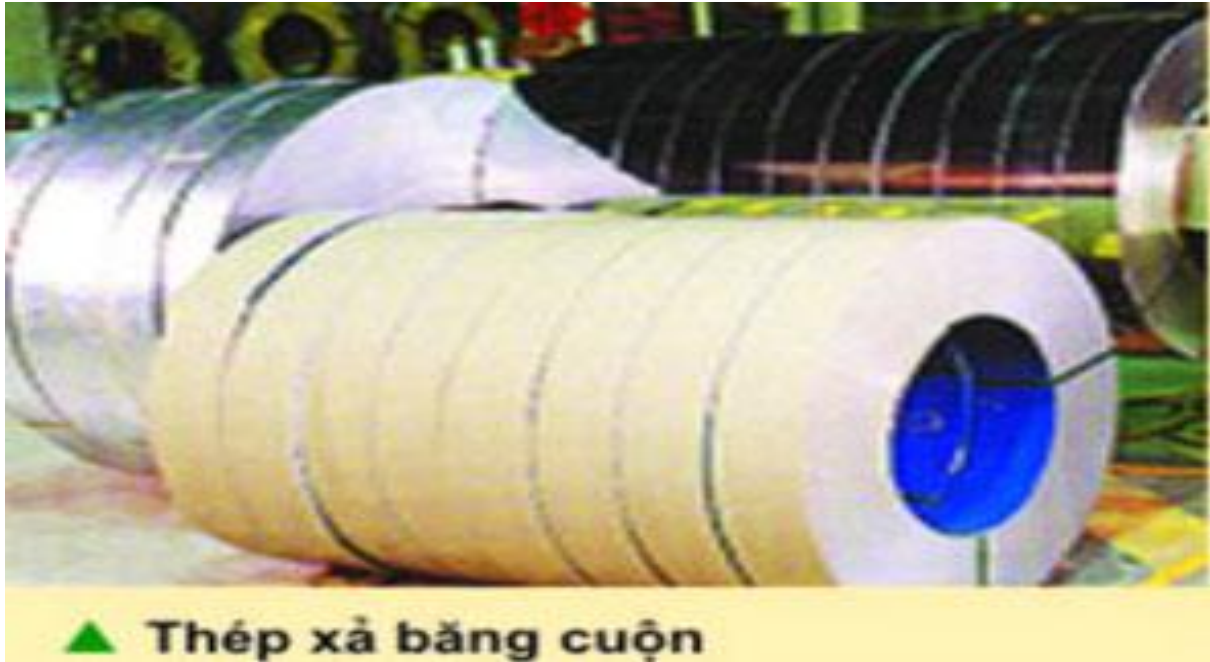
Loại hàng này được cắt thành dạng tấm, lá hoặc cắt theo kích thước khách hàng yêu cầu

✓ Thép ống vuông: Là loại thép được tiêu thụ trong nước và được công ty trực tiếp sản xuất, bán ra thị trường dưới dạng các thanh thép vuông để là xà gồ hoặc các thanh thép chữ U hay các kết sắt bảo mật.





✓ Thép ống tròn:



Tên sản phẩm: Thép xả băng cuộn

Từ thép lá dạng cuộn, bằng dây chuyền xả băng hiện đại, cuộn khổ lớn, sẽ được xả ra thành các bản nhỏ có các kích thước tùy ý dùng để làm phôi cán ra các loại thép ống, thép xà gồ hoặc phục vụ các nhu cầu cơ khí mang tính tự động cao khác.

✓ Thép thanh vằn



Là loại thép được tiêu thụ trong nước và được công ty trực tiếp sản xuất, bán ra thị trường dưới dạng các thanh thép vằn nhằm phục vụ các công trình xây dựng cũng như người tiêu dùng là cá nhân

### 2.2.1.2 Phương thức bán hàng và thanh toán của Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật.

#### a) Phương thức bán hàng

Các phương thức bán hàng chủ yếu của công ty là:

- Bán cho đại lý: Phương thức bán hàng cho đại lý không phải là hình thức công ty kí gửi đại lý bán hộ mà thành phẩm ở đây được xác định là tiêu thụ ngay và kế toán tiêu thụ sẽ hạch toán thẳng vào giá vốn hàng bán( TK 632) mà không qua TK 157- hàng gửi bán.

- Bán lẻ tại cửa hàng giới thiệu sản phẩm: khách hàng trực tiếp đến cửa hàng của công ty để mua hàng. Kế toán lập phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu, và đồng thời ghi nhận doanh thu.

- Bán cho người mua theo hợp đồng: Bán cho các khách hàng,...mua theo hợp đồng kinh tế đã được kí kết trước với công ty.

#### b) Phương thức thanh toán

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chủ yếu của công ty chủ yếu là từ bán thành phẩm( TK 155). Các phương thức thanh toán tiền hàng áp dụng tại công ty là:

- Thanh toán bằng trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng cho khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.

- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho những khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.

-Thanh toán qua ngân hàng: hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi người bán thực hiện giao hàng xong, người mua ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Hình thức này bao gồm thanh toán bằng séc, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.

### 2.2.1.3 Kế toán doanh thu bán hàng.

#### ❖ Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng, uỷ nhiệm thu

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 111, 112, 131, 511, 3331.

❖ **Tài khoản sử dụng:** Để phản ánh doanh thu bán hàng một cách chi tiết và cụ thể. Công ty đã sử dụng:

- TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Trong đó chi tiết:

+ TK 51121 - doanh thu bán Thép thanh vằn.

+ TK 51122 - doanh thu bán Thép ống tròn.

+ TK 51123 - doanh thu bán Thép tròn cuộn.

+ TK 51124 - doanh thu bán Thép lá cán nguội.

Trong đó Thép thanh vằn kế toán lại mở sổ tài khoản chi tiết để theo dõi:

- TK 511211: doanh thu bán Thép thanh vằn D10

- TK 511212: doanh thu bán Thép thanh vằn D12

- TK 511213: doanh thu bán Thép thanh vằn D16

- TK 511214: doanh thu bán Thép thanh vằn D18

- TK 511215: doanh thu bán Thép thanh vằn D19

- TK 511216: doanh thu bán Thép thanh vằn D20

- TK 511217: doanh thu bán Thép thanh vằn D22

- TK 511218: doanh thu bán Thép thanh vằn D25

- TK 511219: doanh thu bán Thép thanh vằn D29

- TK 5112110: doanh thu bán Thép thanh vằn D32

❖ **Quy trình hạch toán**

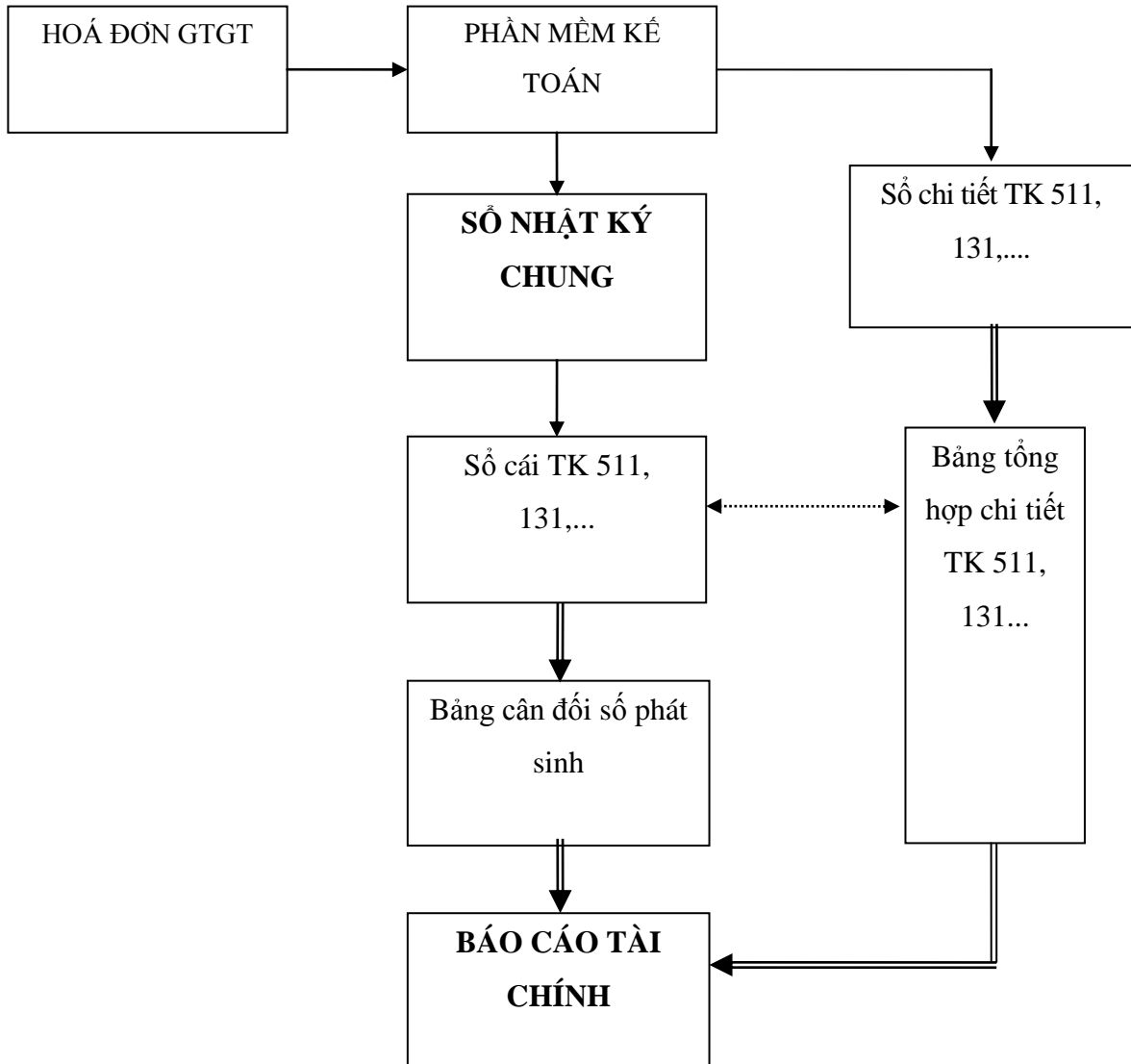
- Khi nghiệp vụ bán hàng phát sinh, kế toán viết hoá đơn GTGT thành 3 liên:

- Liên 1(Màu tím): Liên gốc lưu tại quyển hoá đơn.

- Liên 2(Màu đỏ): Giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng hoá và ghi sổ kế toán tại đơn vị khách hàng.

- Liên 3(Màu xanh): Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán.

**Sơ đồ 2.6: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ.
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán viên nhập dữ liệu vào phần mềm Esoft. Theo trình tự được cài đặt sẵn, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung thông tin sẽ được ghi vào Sổ Cái các tài khoản có liên quan như tài khoản 511, 131... Đồng thời từ các chứng từ gốc thông



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

qua khai báo chi tiết máy tính cũng tự xử lý số liệu ghi vào Sổ Chi tiết các tài khoản có liên quan như Sổ chi tiết tài khoản 511, 131...

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các bút toán khoá sổ trên máy vi tính để lập các Báo cáo. Máy tính sẽ tự xử lý số liệu từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và Sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó theo chương trình cài đặt sẵn, số liệu được xử lý để lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về ghi chép và lưu trữ sổ sách kế toán.

Ví dụ: Ngày 21 tháng 12 Công ty xuất kho:

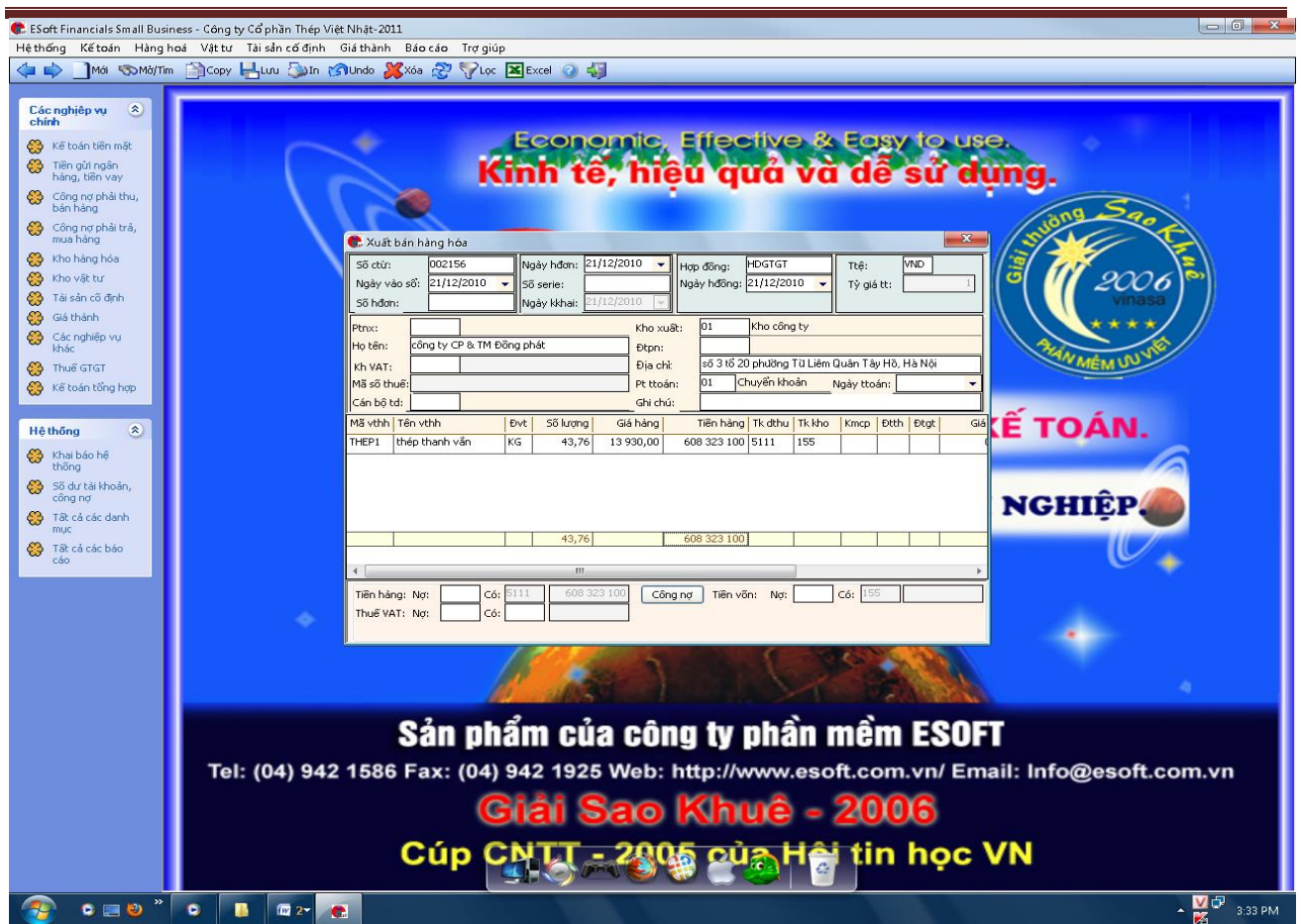
- 43.670kg Thép thanh vằn D32/GR60;
- 14.910670kg Thép thanh vằn D29/490;
- 12.810670kg Thép thanh vằn D22/GR60;
- 8.500670kg Thép thanh vằn D19/390;
- 50.090670kg Thép thanh vằn D25/490;
- 29.040670kg Thép thanh vằn D16/CIII;
- 11.630670kg Thép thanh vằn D12/390.

Sau khi viết hoá đơn GTGT số 002156 và có đầy đủ chữ ký của các bên có liên quan, kế toán nhập dữ liệu vào hệ thống máy vi tính để in phiếu xuất kho và để phần mềm viết Nhật ký chung. Phần mềm sẽ tự chạy tất cả thông tin sang các sổ sách liên quan. Ở ví dụ này khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Từ nghiệp vụ trên kế toán nhập dữ liệu vào máy vi tính theo định khoản như sau:

- Nợ TK 112: 2.614.869.950
- Có TK 511: 2.377.154.500
- Có TK 3331: 237.715.450

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP



**Biểu số 2.1:** Giao diện nhập liệu trên Esoft

Dữ liệu được nhập vào máy tính như sau:

Kế toán khởi động phần mềm rồi vào ô có chữ “hàng hoá”. Kế toán ấn vào biểu ghi xuất bán hàng hoá rồi sau đó ấn vào biểu mới như hình trên. Nhập số liệu theo bảng mã có sẵn trên phần mềm. Với Thép thanh vằn là “Thép1”

Từ phiếu xuất kho số HD2156 và Hoá đơn GTGT số 002156, kế toán nhập dữ liệu vào máy vi tính theo (**Biểu số 2.1**). Máy tính sẽ tự xử lý số liệu ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.3**). Từ sổ Nhật ký chung phần mềm kế toán sẽ tự xử lý số liệu ghi vào Sổ Cái tài khoản 511 (**Biểu số 2.4**) và sổ cái tài khoản 131, 333. Thông qua khai báo chi tiết được cài sẵn trên phần mềm kế toán, số liệu sẽ được xử lý và ghi vào sổ chi tiết 511(**Biểu số 2.5**) và sổ chi tiết tài khoản 131 (**Biểu số 2.6**).

Cuối kỳ từ Sổ chi tiết tài khoản 511 máy tính sẽ tự động xử lý số liệu lập thành bảng tổng hợp doanh thu (**Biểu số 2.7**), từ Sổ chi tiết tài khoản 131 lập bảng Tổng hợp phải thu khách hàng.

## 2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty.

Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là Thép các loại. Do vậy giá vốn của doanh nghiệp được xác định là giá thành sản phẩm sản xuất.

### 2.2.2.1 Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

Doanh nghiệp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị thực tế của hàng hoá tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định được giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hoá. Căn cứ vào số lượng hàng hoá xuất ra trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định trị giá thực tế xuất kho trong kỳ.

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế của thành phẩm, tồn kho sau lần nhập thứ } i.}{\text{Số lượng thành phẩm tồn kho sau lần nhập thứ } i.}$$

$$\text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho} = \frac{\text{Số lượng thành phẩm xuất kho}}{\text{Đơn giá bình quân}}$$

Ví dụ đối với xuất Thép thanh vằn cho công ty Đồng Phát:

Sau khi kế toán nhập vào phần “xuất kho hàng hoá” trên phần mềm kế toán của Công ty sẽ xuất hiện hộp thoại (**Biểu số 2.9**). Kế toán sẽ nhập số hoá đơn, mã loại thép xuất bán ra và số lượng cần xuất bán. Sau khi xử lý số liệu bằng chương trình cài đặt sẵn, phần mềm kế toán sẽ đưa ra kết quả bao gồm cả giá vốn hàng bán và giá bán sản phẩm.

### 2.2.2.2 Chứng từ, sổ sách sử dụng sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632,156
- Sổ chi tiết TK156

### 2.2.2.3 Tài khoản sử dụng: Để phản ánh về giá vốn hàng bán, công ty đã sử dụng

✓ TK632: Giá vốn hàng bán

+ TK 63221 - doanh thu bán Thép thanh vằn.

+ TK 63222 - doanh thu bán Thép ống tròn.

+ TK 63223 - doanh thu bán Thép tròn cuộn.

+ TK 63224 - doanh thu bán Thép lá cán nguội.

Trong đó Thép thanh vằn kế toán lại được mở số tài khoản chi tiết để theo dõi:

- TK 632211: Giá vốn Thép thanh vằn D10

- TK 632212: Giá vốn Thép thanh vằn D12

- TK 632213: Giá vốn Thép thanh vằn D16

- TK 632214: Giá vốn Thép thanh vằn D18

- TK 632215: Giá vốn Thép thanh vằn D19

- TK 632216: Giá vốn Thép thanh vằn D20

- TK 632217: Giá vốn Thép thanh vằn D22

- TK 632218: Giá vốn Thép thanh vằn D25

- TK 632219: Giá vốn Thép thanh vằn D29

- TK 6322110: Giá vốn Thép thanh vằn D32

#### **2.2.2.4 Quy trình hạch toán:**

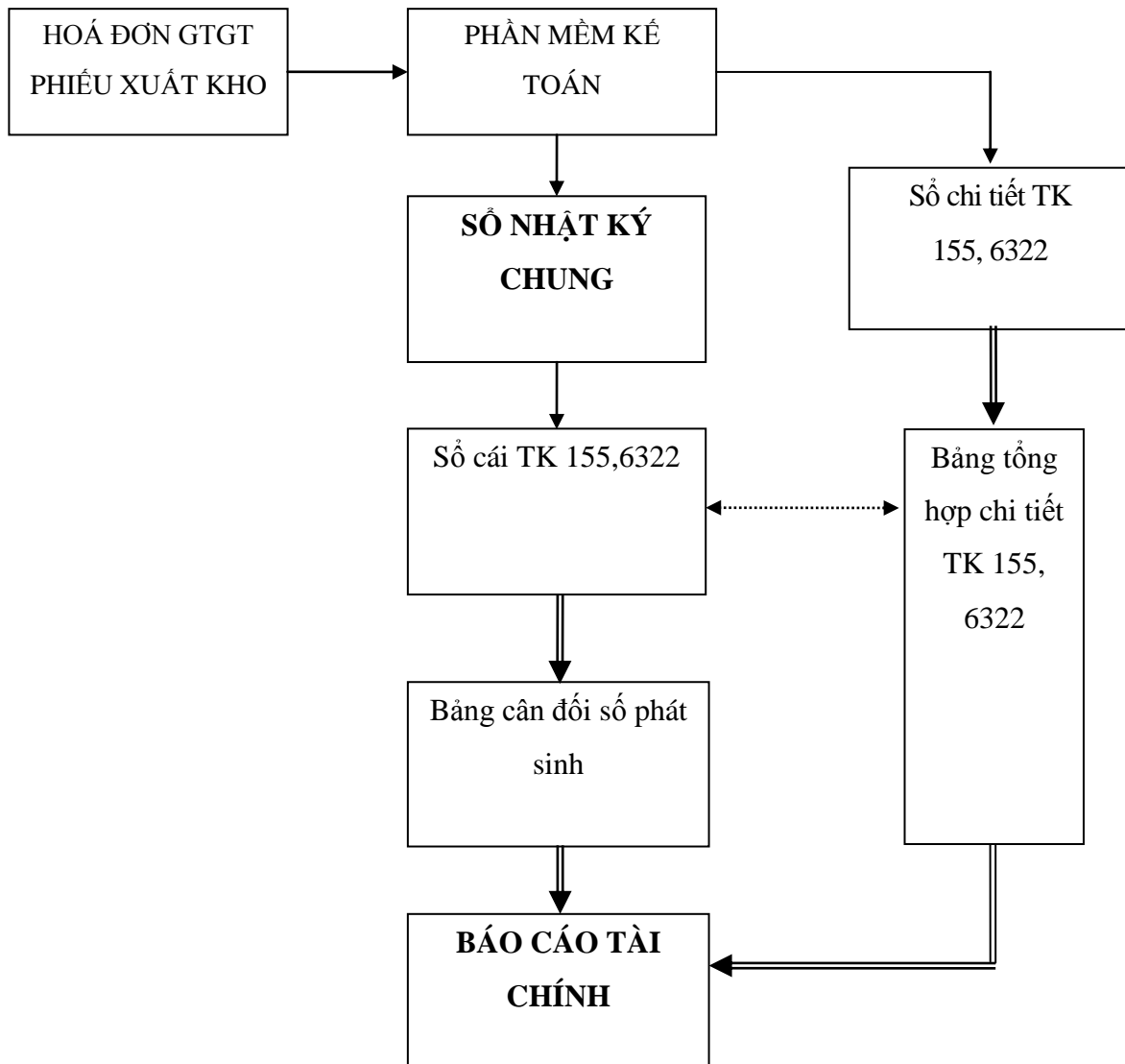
Khi nghiệp vụ bán hàng phát sinh, kế toán lập phiếu xuất kho và tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 156: Hàng hoá

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.7: *Hạch toán giá vốn hàng bán*



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng, cuối năm.
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán viên nhập dữ liệu vào phần mềm Esoft. Theo trình tự được cài đặt sẵn, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung thông tin sẽ được ghi vào Sổ Cái các tài khoản có liên quan như tài khoản 155, 6322... Đồng thời từ các chứng từ gốc thông qua khai báo chi tiết máy tính cũng tự xử lý số liệu ghi vào Sổ Chi tiết các tài khoản có liên quan như Sổ chi tiết tài khoản 155, 6322...

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các bút toán khoá sổ trên máy vi tính để lập các Báo cáo. Máy tính sẽ tự xử lý số liệu từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và Sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết và sau đó theo chương trình cài đặt sẵn, số liệu được xử lý để lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về ghi chép và lưu trữ sổ sách kế toán.

Ví dụ: Ngày 21/12 Công ty xuất kho:

43.670kg Thép thanh vằn D32/GR60;

14.910670kg Thép thanh vằn D29/490;

12.810670kg Thép thanh vằn D22/GR60;

8.500670kg Thép thanh vằn D19/390;

50.090670kg Thép thanh vằn D25/490;

29.040670kg Thép thanh vằn D16/CIII;

11.630670kg Thép thanh vằn D12/390 bán cho Công ty Cổ Phần và Thương Mại Đồng Phát, giá bán được ghi trên Hoá đơn giá trị gia tăng số 002156, phiếu xuất kho số HD2156.

**Biểu số 2.9:** Ảnh nhập phần mềm kế toán để viết phiếu xuất kho

ESoft Financials Small Business - Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật-2011

Hệ thống Kế toán Hàng hoá Vật tư Tài sản cố định Giá thành Báo cáo Trợ giúp

Mới Mũi/Thim Copy Lưu In Undo Xóa Lọc Excel

**Các nghiệp vụ chính**

- Kế toán tiền mặt
- Tiền gửi ngân hàng, tiền vay
- Công nợ phải thu, bán hàng
- Công nợ phải trả, mua hàng
- Kho hàng hóa
- Kho vật tư
- Tài sản cố định
- Giá thành
- Các nghiệp vụ khác
- Thuế GTGT
- Kế toán tổng hợp

**Hệ thống**

- Khai báo hệ thống
- Số dư tài khoản, công nợ
- Tất cả các danh mục
- Tất cả các báo cáo

**Xuất kho hàng hóa**

Số chứng: HD2156      Họ tên: Công ty Đồng Phát  
Ngày vào sổ: 21/12/2010      Kho xuất: 01 kho công ty  
Hợp đồng:      Đơn: DPHAT Công ty CP TM DV Đồng Phát

Ptruc: XKHO xuất kho      Tên: VND      Tỷ giá tt: 1  
Ghi chú: xuất bán theo đơn

Mã vthh	Tên vthh	Đvt	Số lượng	Giá vốn	Tiền vốn	Giá hàng	Tiền hàng	Tk nợ	Tk có
THEP1	thép thanh vằn	KG	43,67	13 390,88	594 343 030	13 930,00	608 323 100		155
			43,67		594 343 030		608 323 100		

**Sản phẩm của công ty phần mềm ESOF**  
Tel: (04) 942 1586 Fax: (04) 942 1925 Web: <http://www.esoft.com.vn/> Email: [Info@esoft.com.vn](mailto:Info@esoft.com.vn)  
**Giải Sao Khuê - 2006**  
**Cúp CNTT - 2005 của Hội tin học VN**

6:12 PM



# KHOẢ LUẬN TỐT NGHIỆP

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	SP nợ	PS có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
21/12	HD2156	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D32	155	584.343.030	
21/12	HD2156	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D29	155	187.642.946	
21/12	HD2156	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D22	155	161.997.566	
21/12	HD2156	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D19	155	112.332.005	
21/12	HD2156	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D25	155	636.656.760	
21/12	HD2156	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D16	155	368.123.527	
21/12	HD2156	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D12	155	146.191.426	
21/12	HD2158	Bán thép Công ty Delta- Thép D16	155	22.634.617	
21/12	HD2158	Bán thép Công ty Delta- Thép D14	155	23.869.881	
21/12	HD2159	Bán thép Công ty Delta- Thép D25	155	12.283.478	
21/12	HD2159	Bán thép Công ty An huy- Thép D16	155	18.750.000.000	
21/12	HD2159	Bán thép Công ty An huy- Thép D18	155	797.634.231	
21/12	HD2159	Bán thép Công ty An huy- Thép D22	155	20.364.145	
21/12	HD2160	Bán thép Công ty An huy- Thép D25	155	44.134.000	
21/12	HD2161	Bán thép Công ty Đình Chiêu- Thép D18	155	196.326.154	
21/12	HD2161	Bán thép Công ty An huy- Thép D18	155	396.315.100	
21/12	HD2161	Bán thép Công ty An huy- Thép D10	155	388.134.130	
21/12	HD2161	Bán thép Công ty An huy- Thép D20	155	378.132.300	
21/12	HD2161	Bán thép Công ty An huy- Thép D25	155	365.132.600	
21/12	HD2162	Bán thép Công ty Hiệp Hương- Thép D20	155	189.134.000	
21/12	HD2162	Bán thép Công ty Hiệp Hương- Thép D28	155	978.134.310	
21/12	HD2163	Bán thép Công ty Hiệp Hương- Thép D10	155	9.912.364.788	
21/12	HD2163	Bán thép Công ty Hiệp Hương- Thép D10	155	9.965.123.110	
21/12	HD2163	Bán thép Công ty Hiệp Hương- Thép D10	155	1.500.00.000	
31/12	PK09	Kết chuyển chi phí T12	911		98.134.019.134
....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng số phát sinh</b>		268.465.168.253	268.465.168.253

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám Đốc

**Biểu số 2.12**

## 2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thuê TSCĐ thuê ngoài thuế, phí, lệ phí, chi phí bằng tiền khác. Tiền lương của nhân viên, công nhân được tính theo thời gian.

### 2.2.3.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ khấu hao
- Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK642.

### 2.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

TK642-Chi phí quản lý kinh doanh

### 2.2.3.3. Quy trình hạch toán:

Hàng ngày căn cứ vào các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý Doanh nghiệp, kế toán định khoản và nhập vào phần mềm máy tính. Theo trình tự được cài đặt sẵn, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung thông tin sẽ được ghi vào Sổ Cái các tài khoản có liên quan như tài khoản 642. Đồng thời từ các chứng từ gốc thông qua khai báo chi tiết máy tính cũng tự xử lý số liệu ghi vào Sổ Chi tiết các tài khoản có liên quan như Sổ chi tiết tài khoản 642.

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các bút toán khoá sổ trên máy vi tính để lập các Báo cáo. Máy tính sẽ tự xử lý số liệu từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và Sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết và sau đó theo chương trình cài đặt sẵn, số liệu được xử lý để lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về ghi chép và lưu trữ sổ sách kế toán.

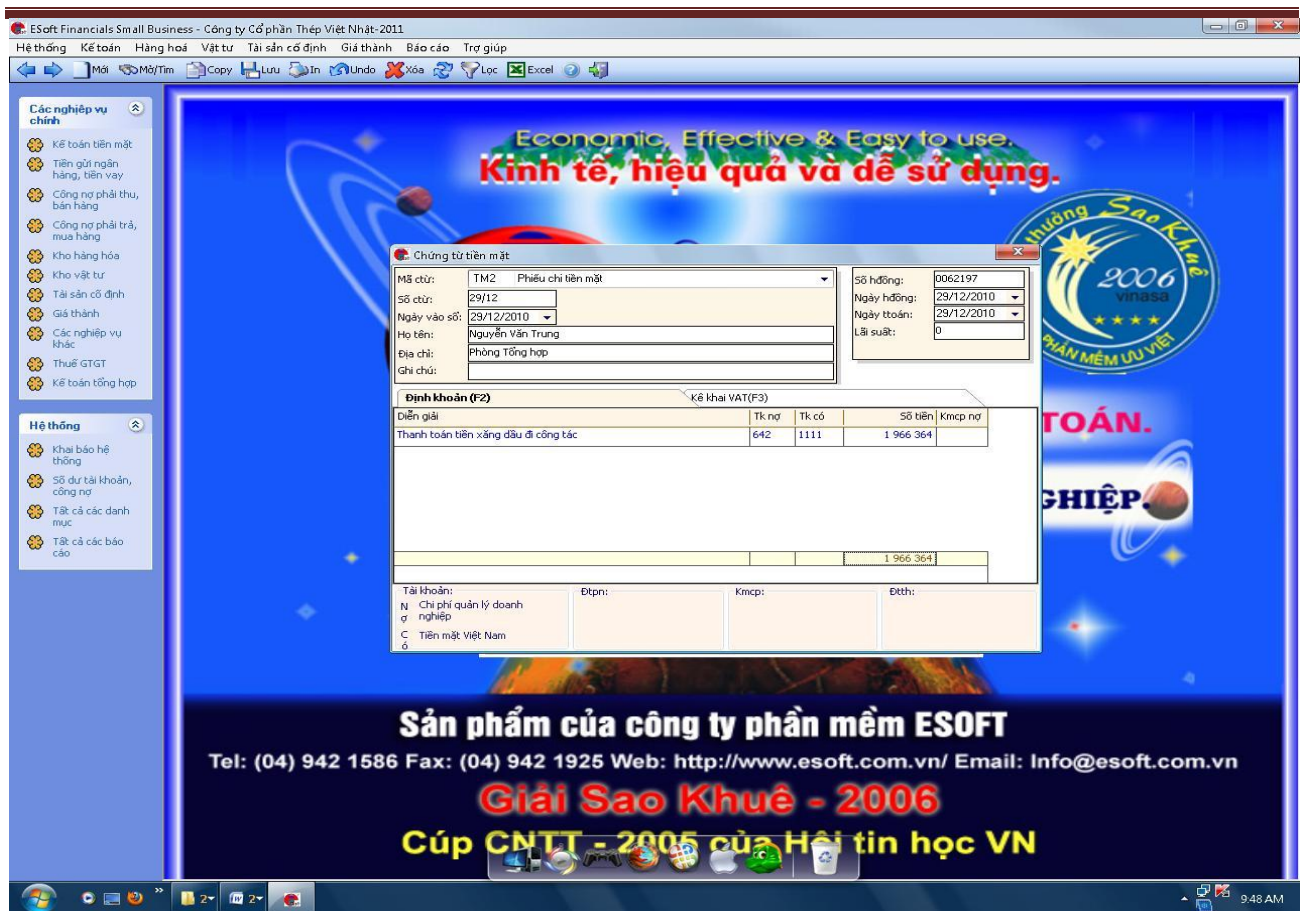
Ví dụ:

- Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0062197 ngày 29/12/2010, về việc thanh toán tiền xăng đi công tác kế toán viết phiếu chi số 29/12.

Ảnh nhập phần mềm kế toán được mô tả như sau:



# KHOẢ LUẬN TỐT NGHIỆP



Từ phiếu chi số 29/12 và Hoá đơn GTGT số 0062197, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính như hình vẽ trên. Máy tính sẽ tự xử lý số liệu và ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.15**). Từ Nhật ký chung phần mềm kế toán sẽ tiếp tục xử lý số liệu ghi vào Sổ Cái tài khoản 642 (**Biểu số 2.16**).

# KHOẢ LUẬN TỐT NGHIỆP

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 2: Giao khách hàng Ngày 29 tháng 12 năm 2010			Mẫu số 01GTKT – 3LL KY/2010B 0062197		
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ Phần xe Thanh Long Địa chỉ: 44 Tô Hiệu – Lê Chân – Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: 031 3778369                      MST: 0200415756					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Trung. Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật. Địa chỉ: Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: Tiền mặt                      MST: 0200289981					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Xăng M92	Lít	100	19.363,6363	1.936.364
Cộng tiền hàng:					1.936.364
Thuế suất GTGT 10%		Tiền thuế GTGT:			193.636
Phí xăng dầu( nếu có): 300 (đồng/lít) tiền xăng dầu					30.000
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>2.160.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu số 2.13

# KHOẢ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT**

Km 9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

**Mẫu số 02-TT**

(Ban hành theo quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

## PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Số: 29/12

Nợ: 642                      1.966.364

Nợ :133                      193.636

Có :1111                      2.160.000

**Họ và tên người nhận tiền:** Nguyễn Văn Trung.

**Địa chỉ:** Phòng tổng hợp

**Lý do chi:** thanh toán tiền xăng dầu kèm theo phí xăng dầu 30.000 đồng./.

**Số tiền:** 2.160.000 VND

**Bằng chữ:** Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng.

**Kèm theo:** 01 chứng từ gốc HĐ GTGT số 0062197.

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, họ tên)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nhận tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
------------------------------------------	---------------------------------------	----------------------------------------	----------------------------------------	--------------------------------

**Đã nhận đủ tiền (Viết bằng chữ):** Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.

**Biểu số 2.14**

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010

Số C từ	Ngày C từ	Diễn giải	tk đ/ứ	Phát sinh	
				Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PX2156	21/12/2010	Giá vốn- Thép D32	632	584.343.030	
PX2156	21/12/2010	Giá vốn - Thép D29	632	187.642.946	
PX2156	21/12/2010	Giá vốn - Thép D22	632	161.997.566	
PX2156	21/12/2010	Giá vốn - Thép D19	632	112.332.005	
PX2156	21/12/2010	Giá vốn - Thép D25	632	636.656.760	
PX2156	21/12/2010	Giá vốn - Thép D16	632	368.123.527	
PX2156	21/12/2010	Giá vốn - Thép D12	632	146.191.426	
PX2156	21/12/2010	Thành phẩm	1551		2.197.196.260
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát	131	2.614.869.950	
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D32	5111		608.323.100
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		60.832.310
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D29	5111		207.696.300
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		20.769.630
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D22	5111		178.443.300
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		17.844.330
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D19	5111		118.405.000
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		11.840.500
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D25	5111		697.753.700
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		69.775.370
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D16	5111		404.527.200
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		40.452.720
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D12	5111		162.005.900
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		16.200.590
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PC29/12</b>	<b>29/12/2010</b>	<b>Thanh toán tiền xăng dầu</b>	<b>642</b>	<b>1.966.364</b>	
			<b>133</b>	<b>193.636</b>	
			<b>111</b>		<b>2.160.000</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		Tổng Cộng		<b>4,431,415,286,056</b>	<b>4,431,415,286,056</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập biểu**

**Kế toán tổng hợp**

**Kế toán trưởng**

### Biểu số 2.15

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010  
Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK Đ.ứ	Ps Nợ	Ps Có
....	.....	.....	.....	.....	.....	
PK	29/12/2010	DT632	Trả phí SMS tháng 12	1121	50.000	
PK	29/12/2010	DT633	Trả phí chuyên tiền vay	1121	1.364.626	
PK	29/12/2010	DT634	Trả phí chuyên tiền vay	1121	300.000	
PK	29/12/2010	DT635	Trả phí chuyên tiền vay	1121	140.925	
PK	29/12/2010	NT555	Trả phí chuyên tiền	1121	37.785	
PK	29/12/2010	NT556	Trả phí dịch vụ đảm bảo	1121	60.000	
PK	29/12/2010	NT558	Trả phí chuyên tiền	1121	108.824	
PK	29/12/2010	NT559	Trả phí chuyên tiền	1121	317.167	
PK	29/12/2010	NT560	Trả phí chuyên tiền	1121	41.368	
PK	29/12/2010	NT561	Trả phí chuyên tiền	1121	37.891	
<b>PK</b>	<b>29/12/2010</b>	<b>PC29/12</b>	<b>Thanh toán tiền xăng xe</b>	<b>1111</b>	<b>1.966.364</b>	
PK	30/12/2010	NT628	Trả tiền mua máy thiết bị VP	1112	7.380.000	
PK	30/12/2010	NT629	Trả tiền mua máy thiết bị VP	1112	4.481.000	
PK	30/12/2010	NT564	Trả phí chuyên tiền	1121	41.368	
PK	30/12/2010	NT564	Trả phí chuyên tiền	1121	37.891	
PK	30/12/2010	NT565	Trả phí dịch vụ đảm bảo	1121	60.000	
PK	30/12/2010	SEA2347	Trả phí quản lý TK	1121	975.000	
PK	30/12/2010	SEA930	Trả phí quản lý TS	1121	27.695.000	
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>		<b>3.751.586.013</b>	<b>3.751.586.013</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám Đốc

**Biểu số 2.16**

### 2.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.

Tại Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật, chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay và doanh thu tài chính chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sổ sách sử dụng:**

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515, 635

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK515- Doanh thu Tài chính
- TK635-Chi phí tài chính

❖ **Quy trình hạch toán:**

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán viên nhập dữ liệu vào phần mềm Esoft. Theo trình tự được cài đặt sẵn, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung thông tin sẽ được ghi vào Sổ Cái các tài khoản có liên quan như tài khoản 515, 635... Đồng thời từ các chứng từ gốc thông qua khai báo chi tiết máy tính cũng tự xử lý số liệu ghi vào Sổ Chi tiết các tài khoản có liên quan.

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các bút toán khoá sổ trên máy vi tính để lập các Báo cáo. Máy tính sẽ tự xử lý số liệu từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và Sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết và sau đó theo chương trình cài đặt sẵn, số liệu được xử lý để lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về ghi chép và lưu trữ sổ sách kế toán.

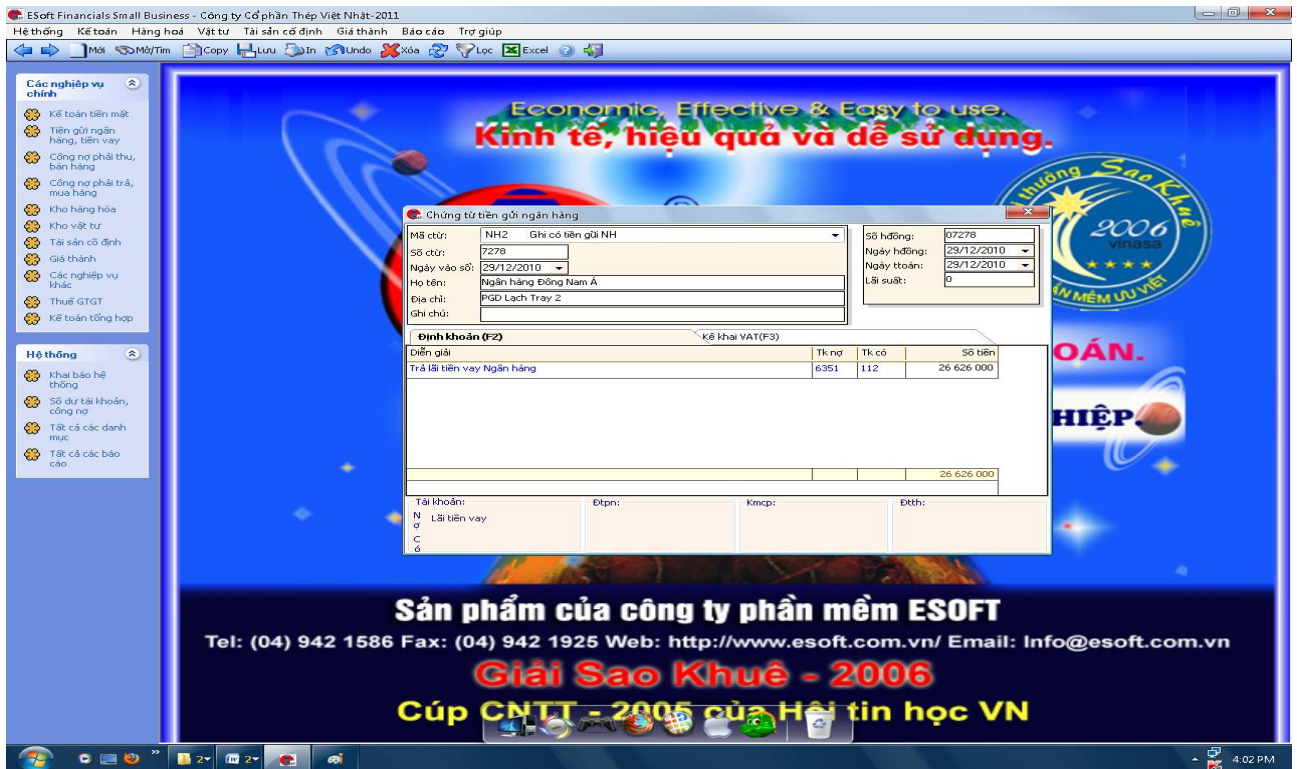
**Ví dụ:**

- Ngày 29 tháng 12 năm 2010 Ngân hàng SeABank gửi Giấy báo Nợ thông báo thu tiền lãi vay tháng 12.

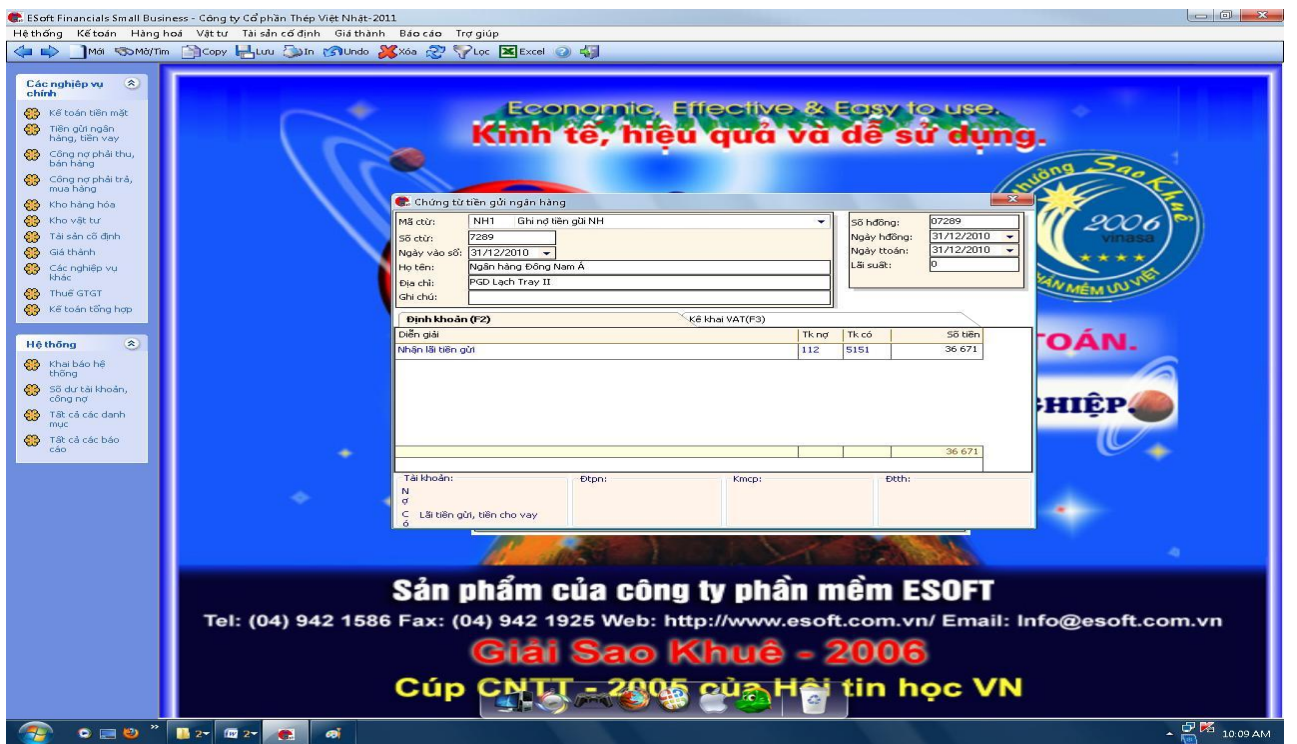


# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Ngày 31 tháng 12 năm 2010 Ngân hàng SeABank gửi Giấy báo Có thông báo Công ty được hưởng 1 khoản lãi tiền gửi tại Ngân hàng là 36.671 đồng. Số tiền lãi trên được chuyển vào số tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng.



Từ giấy báo Có và giấy báo Nợ, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính như hình vẽ trên. Máy tính sẽ tự xử lý số liệu và ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.17**). Từ Nhật ký chung phần mềm kế toán sẽ tiếp tục xử lý số liệu ghi vào Sổ Cái tài khoản 635 (**Biểu số 2.18**) và Sổ Cái tài khoản 515 (**Biểu số 2.19**).



# KHOẢ LUẬN TỐT NGHIỆP



NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á  
PGD LẠCH TRAY 2  
MST: 00200253985-003

Số: FT 1113807278  
Ngày 29/12/2010  
10:42:53 AM  
Số Giao Dịch: 7278

## GIẤY BÁO NỢ

TÀI KHOẢN: 31000000140122  
TKTGTT VND CTY CP THEP VIET NHAT

MÃ VAT 0200289981

SỐ TIỀN

NỘI DUNG:

**26,626,000.00 VND**

TRẢ LÃI VAY NGÂN HÀNG

Tổng tiền: **26,626,000.00 VND**

Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng.

LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT



NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á  
PGD LẠCH TRAY 2  
MST: 00200253985-003

Số: FT 1113807289  
Ngày 31/12/2010  
10:42:53 AM  
Số Giao Dịch: 7289

## GIẤY BÁO CÓ

TÀI KHOẢN: 31000000140122  
TKTGTT VND CTY CP THEP VIET NHAT

MÃ VAT 0200289981

SỐ TIỀN

NỘI DUNG:

**36,671.00 VND**

THU LÃI TIỀN GUI

Tổng tiền: **36.671.00 VND**

Bằng chữ: Ba mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi mốt đồng.

LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT



# KHOẢ LUẬN TỐT NGHIỆP

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010

Số C từ	Ngày C từ	Diễn giải	Tk đ/ứ	Phát sinh	
				Nợ	Có
.....	.....	.....	....	.....	.....
PX2156	21/12/2010	Giá vốn- Thép D32	6321	584.343.030	
PX2156	21/12/2010	Giá vốn - Thép D29	6321	187.642.946	
PX2156	21/12/2010	Giá vốn - Thép D22	6321	161.997.566	
PX2156	21/12/2010	Giá vốn - Thép D19	6321	112.332.005	
PX2156	21/12/2010	Giá vốn - Thép D25	6321	636.656.760	
PX2156	21/12/2010	Giá vốn - Thép D16	6321	368.123.527	
PX2156	21/12/2010	Giá vốn - Thép D12	6321	146.191.426	
PX2156	21/12/2010	Thành phẩm	1551		2.197.196.260
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát	131	2.614.869.950	
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D32	5111		608.323.100
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		60.832.310
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D29	5111		207.696.300
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		20.769.630
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D22	5111		178.443.300
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		17.844.330
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D19	5111		118.405.000
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		11.840.500
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D25	5111		697.753.700
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		69.775.370
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D16	5111		404.527.200
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		40.452.720
HD2156	21/12/2010	Bán thép Công ty Đồng Phát- Thép D12	5111		162.005.900
HD2156	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331		16.200.590
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>BN7278</b>	<b>29/12/2010</b>	<b>Trả lãi tiền vay SEA</b>	<b>635</b>	<b>26.626.000</b>	
			<b>1211S</b>		<b>26.626.000</b>
.....	.....	.....	....	.....	.....
<b>BC7289</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>Thu lãi ngân hàng SEA</b>	<b>1121S</b>	<b>36.671</b>	
			<b>515</b>		<b>36.671</b>
.....	.....	.....	....	.....	.....
		Tổng cộng		<b>4,431,415,286,056</b>	<b>4,431,415,286,056</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

### Biểu số 2.17

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635-Chi phí tài chính

Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ			Diễn giải	Tk đ/ứng	Số tiền	
Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu	Ngày C.từ			Nợ	Có
.....	....	.....	.....	...	.....	.....
29/12/2010	SEA7154	29/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121S	10.600.341	
29/12/2010	SEA7168	29/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121S	23.959.766	
29/12/2010	SEA7226	29/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121S	23.836.177	
<b>29/12/2010</b>	<b>SEA7278</b>	<b>29/12/2010</b>	<b>Trả lãi vay ngân hàng</b>	<b>1121S</b>	<b>26.626.000</b>	
30/12/2010	SEA7361	30/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121S	47.021.795	
30/12/2010	SEA7513	30/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121S	26.200.576	
30/12/2010	TE6453	30/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121T	86.617.376	
30/12/2010	TE6987	30/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121T	18.861.263	
30/12/2010	TE8562	30/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121T	44.840.059	
30/12/2010	TE8762	30/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121T	45.967.513	
30/12/2010	TE8821	30/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121T	12.25.671	
31/12/2010	PG5697	31/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121P	311.968.189	
31/12/2010	PG5781	31/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121P	156.710.332	
31/12/2010	PG5984	31/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121P	161.791.369	
31/12/2010	NNPT37	31/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121A	27.660.000	
31/12/2010	NNPT56	31/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121A	595.774.792	
31/12/2010	NNPT85	31/12/2010	Trả lãi vay ngân hàng	1121A	124.861.111	
.....	....	.....	.....	...	.....	.....
<b>Tổng cộng</b>					<b>14.555.680.091</b>	<b>14.555.680.091</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám Đốc

Biểu số 2.18

# KHOẢ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT**

Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ			Diễn giải	Tk đ/ứng	Số tiền	
Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu	Ngày C.từ			Nợ	Có
.....	....	.....	.....	...	.....	.....
29/12/2010	PG5697	31/12/2010	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121P		4.086.148
29/12/2010	PG5781	31/12/2010	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121P		59.655
29/12/2010	PG5984	31/12/2010	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121P		299.075
30/12/2010	SEA513	30/12/2010	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121S		41.711
30/12/2010	TE6453	30/12/2010	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121T		1.521.969
30/12/2010	TE6987	30/12/2010	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121T		195
30/12/2010	TE8562	30/12/2010	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121T		195
30/12/2010	TE8762	30/12/2010	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121T		145.800
30/12/2010	TE8821	30/12/2010	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121T		8.435.900
31/12/2010	SEA7154	29/12/2010	Thu lãi tiền gửi USD	1121S		35.382
31/12/2010	SEA7168	29/12/2010	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121S		56.248
<b>31/12/2010</b>	<b>SEA7289</b>	<b>29/12/2010</b>	<b>Thu lãi tiền gửi ngân hàng</b>	<b>1121S</b>		<b>36.671</b>
31/12/2010	NNPT37	31/12/2010	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121A		47.850
31/12/2010	NNPT56	31/12/2010	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121A		5.023.500
31/12/2010	NNPT85	31/12/2010	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121A		15.500
.....	....	.....	.....	...	.....	.....
<b>Tổng cộng</b>					<b>2.417.921.273</b>	<b>2.417.921.273</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám Đốc

**Biểu số 2.19**

## 2.2.5 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.

### ❖ Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn giá trị gia tăng, hoá đơn bán hàng thông thường
- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ...

### ❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 711- Thu nhập khác
- TK 811- Chi phí khác

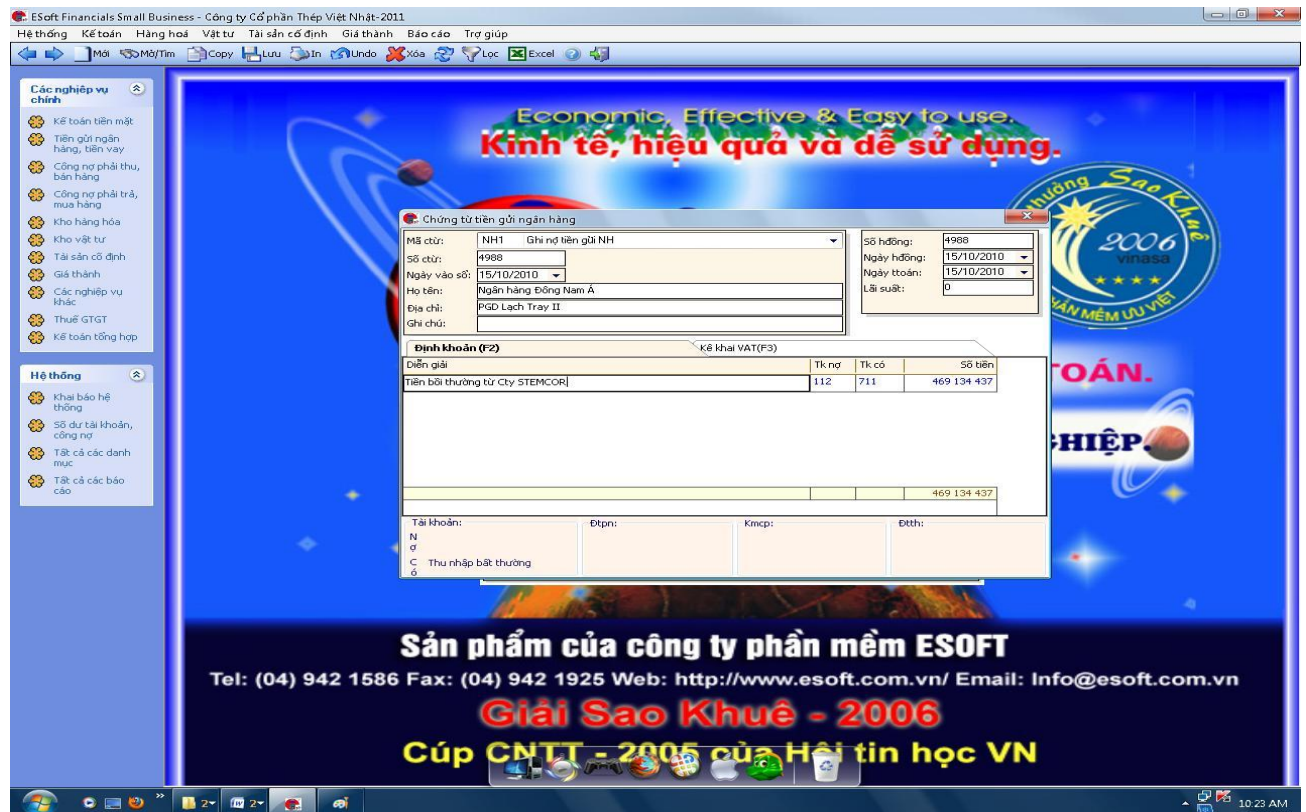
### ❖ Quy trình hạch toán:

Từ giấy báo Có và giấy báo Nợ và các chứng từ có liên quan, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính như hình vẽ trên. Máy tính sẽ tự xử lý số liệu và ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung phần mềm kế toán sẽ tiếp tục xử lý số liệu ghi vào Sổ Cái tài khoản 711 (**Biểu số 2.20**) và Sổ Cái tài khoản 811(**Biểu số 2.21**).

### Ví dụ:

Ngày 15/10/2010 Công ty nhận được Giấy báo có số 4988 của Ngân hàng SeABank về việc nhận được 1 khoản tiền là 469.134.437đồng, chuyển vào tài khoản do Công ty Stemcor trả vào để thu lại tiền bồi thường hợp đồng.

Ngày 23/12/2010 Công ty chuyển vào tài khoản của chương trình “Tài trợ quỹ tâm lòng vàng” số tiền 27.272.727 đồng theo lệnh chuyển



### 2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. Cuối năm, kế toán thực hiện kết chuyển các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có Tk 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính sang bên Nợ Tk 911.

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ Tk 911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có Tk 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên nợ Tk 421:

Nợ TK 421

Có TK 911

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có TK 911 thì chúng tỏ trong năm Doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp Nhà nước như sau:

- Xác định thu nhập chịu thuế = SPS bên Có Tk 911- SPS bên Nợ Tk 911
- Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm.

Kế toán xác định số lợi nhuận chưa phân phối của doanh nghiệp là khoản lợi nhuận trước thuế để kết chuyển sang bên Có Tk 421.

Nợ TK 911

Có Tk 421

#### 2.2.6.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Phiếu kế toán (Được in ra từ phần mềm kế toán)
- Sổ cái TK 911, 421, 821

#### 2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

TK911 – Xác định kết quả kinh doanh:

Dùng để phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

#### 2.2.6.3. Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái liên quan kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ lập Báo cáo tài chính, phần mềm kế toán tiến hành lập phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán, doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 67

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
	K/c 511 - 911	511	911	320.132.361.070			
	K/c 515 - 911	515	911	2.417.921.273			
	K/c 711 - 911	711	911	469.134.437			
	Cộng			323.019.416.780			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập**

(ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, ghi rõ họ tên)

### Biểu số 2.22

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 68

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
	K/c 632 - 911	911	632	268.465.168.253			
	K/c 635 - 911	911	635	14.555.680.091			
	K/c 642 - 911	911	642	15.268.768.913			
	K/c 811 - 911	911	811	2.898.237.759			
	K/c 421 - 911	911	421	16.373.671.323			
	K/c 821 - 911	911	821	5.457.890.441			
	Cộng			323.019.416.780			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập**

(ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, ghi rõ họ tên)

### Biểu số 2.23

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT**

Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010

Số C từ	Ngày C từ	Diễn giải	Tk đ/ứ	Phát sinh	
				Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PKT67	31/12	Kết chuyển TK 511	511	320.132.361.070	
			911		320.132.361.070
PKT67	31/12	Kết chuyển TK 515	515	2.417.921.273	
			911		2.417.921.273
PKT67	31/12	Kết chuyển TK 711	711	469.134.437	
			911		469.134.437
PKT68	31/12	Kết chuyển TK 632	911	268.465.168.253	
			632		268.465.168.253
PKT68	31/12	Kết chuyển TK 635	911	14.555.680.091	
			635		14.555.680.091
PKT68	31/12	Kết chuyển TK 642	911	15.268.768.913	
			642		15.268.768.913
PKT68	31/12	Kết chuyển TK 811	911	2.898.237.759	
			811		2.898.237.759
PKT68	31/12	Kết chuyển TK 821	821	5.457.890.441	
			911		5.457.890.441
PKT68	31/12	Kết chuyển TK 421	911	16.373.671.323	
			421		16.373.671.323
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>		<b>4,431,415,286,056</b>	<b>4,431,415,286,056</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán tổng hợp**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.28**



# KHOẢ LUẬN TỐT NGHIỆP

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN

#### Tên tài khoản: 911- Xác định kết quả kinh doanh

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	SP Nợ	SP Có
31/12	PKT67	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 511 ---> 911	511		320.132.361.070
31/12	PKT67	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 515 ---> 911	515		2.417.921.273
31/12	PKT67	K/c doanh thu tài chính 711---> 911			469.134.437
31/12	PKT68	K/c giá vốn hàng bán 632---> 911	632	268.465.168.253	
31/12	PKT68	K/c chi phí tài chính 635 ---> 911	635	14.555.680.091	
31/12	PKT68	K/c chi phí quản lý kinh doanh 642 ---> 911	642	15.268.768.913	
31/12	PKT68	K/c chi phí thuế TNDN 811 ---> 911	811	2.898.237.759	
31/12	PKT68	K/c chi phí thuế TNDN 821 ---> 911	821	5.457.890.441	
31/12	PKT68	K/c lợi nhuận sau thuế 911 ---> 421	421	16.373.671.323	
<b>Cộng phát sinh quý IV</b>				<b>323.019.416.780</b>	<b>323.019.416.780</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, đóng dấu, họ tên)

**Biểu số 2.29**



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số B02-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng VN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV	QUÝ III
1	2	3	4	5
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	320.132.361.070	318.126.489.783
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01- 02)	10		320.132.361.070	318.126.489.783
4.Giá vốn hàng bán	11	VI.27	268.465.168.253	272.230.726.286
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		51.667.192.817	45.895.763.497
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2.417.921.273	2.502.843.761
7.Chi phí tài chính	22	VI.28	14.555.680.091	15.709.954.318
Trong đó: chi phí lãi vay	23			
8.Chi phí quản lý kinh doanh	24		15.268.768.913	15.642.347.798
9.Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh ( 30 = 20+21-22-24)	30		24.260.665.086	17.046.305.142
10. Thu nhập khác	31		469.134.437	569.456.174
11. Chi phí khác	32		2.898.237.759	1.329.173.864
12.Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(2.429.103.322)	(759.717.690)
13.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50	VI.30	21.831.561.764	16.286.587.452
14.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		5.457.890.441	4.071.646.863
15.lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		16.373.671.323	12.214.940.589

Lập ngày 04 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.30**

## CHƯƠNG III:

### MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT.

#### 3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật

##### 3.1.1 Ưu điểm:

Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật được thành lập năm 1998, cho đến nay thời gian hoạt động mới được hơn 13 năm. Có thể nói, đó chỉ là khoảng thời gian rất ngắn đối với một doanh nghiệp, tuy nhiên công ty đã, đang và sẽ tạo được một chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Trong nền kinh tế thị trường, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành, công ty luôn nỗ lực không ngừng trong việc tìm kiếm các giải pháp nâng cao khối lượng các hàng hoá tiêu thụ cũng như kiện toàn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Nhờ vậy, doanh thu tiêu thụ của công ty trong những năm qua đã tăng lên đáng kể.

Công ty đã không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ, khai thác triệt để các vùng thị trường tiềm năng, đồng thời có giải pháp phù hợp với các khách hàng quen thuộc. Công ty luôn lấy uy tín, trách nhiệm lên hàng đầu khi cung cấp hàng hoá cho bạn hàng, do vậy các đối tác làm ăn luôn muốn hợp tác lâu dài với công ty. Nhờ thế mà thị trường tiêu thụ của công ty luôn ổn định.

Bên cạnh đó, phải kể đến bộ máy lãnh đạo công ty: công ty có đội ngũ cán bộ trẻ, có trình độ khoa học kỹ thuật, nhiều sáng kiến, năng nổ trong công việc, giải quyết công việc nhanh, gọn, hợp lý. Ban giám đốc luôn quan tâm đến đời sống công nhân viên, tạo bầu không khí vui vẻ khi làm việc, gắn quyền lợi từng cá nhân với quyền lợi công ty. Chính điều này đã khuyến khích cán bộ công nhân viên nỗ lực trong công việc, giúp công ty đạt thành tích cao.

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật luôn kiểm soát nghiêm ngặt hoạt động quản lý sản xuất bằng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 - 2008. Vì mục tiêu phát triển bền vững thân thiện với môi trường, Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật áp dụng thành công hệ thống quản lý môi trường ISO 14001- 1996.

Tiếp tục đầu tư chiều sâu cho dây chuyền sản xuất, nâng cao số lượng và chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu thị trường, đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép để ổn định nguồn nguyên liệu, nghiên cứu đầu tư đa dạng hoá sản phẩm, mở thêm các kho trung chuyển mới nhằm phục vụ kịp thời nhu cầu của khách hàng.

Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật đang từng bước khẳng định vị thế của mình trên thị trường đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

Trong định hướng phát triển chung của ngành thép Việt Nam, công ty cổ phần Thép Việt Nhật tận dụng những lợi thế sẵn có kết hợp với những chính sách ưu đãi của Chính phủ và Tổng công ty Thép Việt Nam. Công ty cổ phần thép Việt Nhật dự kiến trong năm 2010 sẽ đạt được 200.000 tấn, năm 2011 sẽ đạt được mức 220.000 tấn, năm 2012 sẽ đạt được 240.000 tấn và dần dần sẽ đi vào ổn định sản xuất 100% công suất thiết kế.

Công ty cũng đang trong lộ trình hoàn tất các thủ tục để cuối năm 2011 sẽ có tên trong bảng niêm yết thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ngoài ra, còn phải kể đến những đóng góp không nhỏ của các phòng ban trong công ty, trong đó có phòng tài chính - kế toán. Với cách tổ chức khoa học, hợp lý như hiện nay, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đã và đang đi vào nề nếp và đạt những hiệu quả nhất định.

### ➤ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty đã xây dựng bộ máy kế toán gọn nhẹ, tổ chức tương đối hoàn chỉnh với đội ngũ kế toán viên có trình độ nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, được phân công, phân nhiệm rõ ràng.

### ➤ Về chứng từ và luân chuyển chứng từ:

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Công ty đã sử dụng rất nhiều các loại chứng từ khác nhau theo mẫu chuẩn của Bộ tài chính ban hành đảm bảo cho quá trình hạch toán được rõ ràng, chính xác, nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán. Sử dụng phần mềm kế toán Esoft hiện đại với thương hiệu Sao Khuê năm 2006 về phần mềm kế toán và phần mềm quản trị doanh nghiệp giúp trình tự luân chuyển chứng từ theo từng bước, không bỏ sót chứng từ, nghiệp vụ phát sinh.

➤ *Về hệ thống tài khoản sử dụng:*

Hệ thống tài khoản mà công ty áp dụng tuân theo đúng như chế độ Nhà nước ban hành. Chế độ quy định cách thức hạch toán cho mỗi tài khoản và công ty hạch toán đúng theo chế độ.

➤ *Về sổ sách kế toán:*

Trong điều kiện hiện nay của công ty, công ty đang sử dụng một phần mềm kế toán máy để hạch toán. Đây là một thuận lợi rất lớn, khối lượng nghiệp vụ phát sinh rất nhiều nhưng đều được vào sổ đầy đủ, tính toán chính xác mà lại rất đơn giản trong việc thường xuyên kiểm tra lại các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh. Tuy nhiên, vì các số liệu kế toán là rất quan trọng nên công ty vẫn sử dụng EXCEL để hạch toán, và việc áp dụng hình thức Nhật ký chung là hoàn toàn hợp lý: đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu. Để bảo toàn số liệu và phục vụ công tác kiểm tra đối chiếu đề phòng có rủi ro xảy ra, cuối kỳ công ty còn cho in từ máy tính các loại sổ đã lập để lưu trữ số liệu song song với máy tính.

Mặc dù trong kỳ kinh doanh, số lượng hàng hoá mua vào, bán ra nhiều nhưng công tác kế toán luôn đảm bảo phản ánh đầy đủ, trung thực, chính xác. Nhờ đó, công tác xác định chi phí, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh được thực hiện nhanh chóng, chính xác, là căn cứ quan trọng để Ban giám đốc đưa ra quyết định kinh doanh cho công ty.

### **3.1.2.2.Hạn chế:**

Bên cạnh những ưu điểm trên. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vẫn còn một số hạn chế sau:

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- *Về bộ máy kế toán:* Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng một số kế toán vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán để quản lý do kém về tiếp cận công nghệ mà vẫn sử dụng thủ công. Vì vậy, đôi lúc vẫn chưa xử lý nhanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc phát huy được tác dụng của máy vi tính trong công tác quản lý kế toán và giảm bớt khối lượng của công việc kế toán chưa được phát huy tối ưu. Công ty đã áp dụng kế toán máy bằng phần mềm kế toán hiện đại nhưng đôi lúc lại gây khó khăn cho nhân viên với tính phức tạp của phần mềm ứng dụng.

- *Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Các mặt hàng mà công ty kinh doanh rất đa dạng và phong phú về chủng loại cũng như kích cỡ. Hơn nữa đó lại là các mặt hàng về sắt thép, rất nhanh han gỉ và giá cả lại luôn biến đổi theo thị trường mà công ty lại không lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là rất nguy hiểm.

- *Về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:* Tính tới 31/12/2010 số nợ phải thu của Công ty còn khá lớn, trong đó có cả nợ quá hạn và thậm trí là nợ không đòi được. Nhưng Công ty vẫn không trích lập dự phòng Nợ phải thu khó đòi. Việc Công ty không trích lập Nợ phải thu khó đòi sẽ có thể làm cho tình hình tài chính của Doanh nghiệp bị ảnh hưởng trong tương lai.

- *Về chính sách bán hàng:* Hiện nay doanh nghiệp chưa có chính sách ưu đãi trong kinh doanh, đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao hiệu quả năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy nhanh doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

- *Về hạch toán chi phí tiền lương:* Doanh nghiệp không có chế độ bảo hiểm cho người lao động như mới sửa đổi mà vẫn áp dụng chế độ cũ. Vì vậy làm hạn chế khả năng làm việc và sự gắn kết lâu dài của người lao động với doanh nghiệp.

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nội dung	Người lao động (Trừ vào lương)	Doanh nghiệp (Tính vào chi phí)
1.Quỹ BHXH	5%	15%
2.Quỹ BHYT	1%	2%
4.Quỹ KPCĐ	0%	2%
Cộng	6%	19%

### **3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật.**

#### **\* Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, để tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

#### **\* Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia đều phải có một cơ chế quản lý tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

- Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

### **\* Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.**

Tìm hiểu thực tế công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật, em đã tiếp thu được rất nhiều kiến thức bổ ích. Em đã hiểu rõ hơn về những kiến thức lý luận chung trong công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong thực tế một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Và em cũng xin được đưa ra một số ý kiến của cá nhân em về vấn đề này và em hi vọng những ý kiến của em có thể góp phần làm mới những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

#### **➤ Về bộ máy kế toán:**

✓ Việc đưa phần mềm kế toán vào trong công tác quản lý kế toán là hoàn toàn hợp lý nhưng do trình độ nhân viên chưa đáp ứng được đã gây khó khăn đối với công tác kế toán. Ban giám đốc trẻ hoá hơn nữa đội ngũ nhân viên trong môi trường làm việc đang có xu hướng tiếp cận công nghệ như hiện nay. Ngoài ra nên cho anh chị em nhân viên tham gia các khoá tập huấn về khai thác phần mềm do chính các chuyên



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

gia xây dựng phần mềm đào tạo nhằm khai thác triệt để nguồn lợi mà phần mềm kế toán mang lại. Tránh tình trạng đã có phần mềm hỗ trợ nhưng vẫn làm hoàn toàn bằng tay rồi mới nhập thêm vào phần mềm đối với các kế toán đã lớn tuổi. Việc làm này sẽ giúp cho đội ngũ nhân viên có trình độ cao hơn về chuyên môn cũng như trình độ sử dụng máy vi tính sẽ được nâng lên, giảm bớt gánh nặng và áp lực công việc kế toán. Giúp cho nhân viên có nhiều ý tưởng mới, tập trung hơn vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và yêu công tác kế toán hơn nữa.

➤ Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Để đảm bảo nguyên tắc “thận trọng” trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho sát hợp với giá trị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ chính xác.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm. Bộ tài chính ban hành thông tư 228/2009/TT-BTC tháng 12 năm 2009, quy định về chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

✓ Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu dùng cho sản xuất (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

- Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

✓ Phương pháp lập dự phòng:



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư hàng} \\ \text{hóa thực tế tồn kho} \\ \text{tại thời điểm lập báo} \\ \text{cáo tài chính} \end{array} \times \left\{ \begin{array}{ll} \text{Giá gốc} & \text{Giá trị thuần có} \\ \text{hàng tồn} & \text{thể thực hiện} \\ \text{kho theo sổ} & \text{được của hàng} \\ \text{kế toán} & \text{tồn kho} \end{array} \right\}$$

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ (-) chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính).

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập.

Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

✓ Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✓ Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp cho việc hạch toán vật tư tại Công ty đảm bảo độ chính xác và thông qua việc trích lập dự phòng, kế toán nguyên vật liệu sẽ nắm bắt được số chênh lệch cụ thể giữa giá trị hàng tồn kho của Công ty hiện có so với giá thị trường.

Công ty có thể sử dụng mẫu bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau:

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

### BẢNG TÍNH DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Năm....

Stt	Tên vật tư	SL	Theo sổ kế toán		Theo thị trường		Chênh lệch
			Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	1	2	$3=1 \times 2$	4	$5=1 \times 4$	$6=5-3$
<b>Cộng</b>							

➤ *Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:*

✓ Công ty phải theo dõi và thu hồi nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 139. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Đối với những tài khoản nợ được xác định là khó đòi dưới 01 năm mức trích lập là 30%.

+ Đối với các khoản nợ khó đòi từ 1 đến 2 năm mức trích lập là 50%.

+ Đối với các khoản nợ khó đòi từ 2 đến 3 năm mức trích lập là 70%.

+ Các khoản nợ khó đòi trên 3 mức trích lập là 100%.

Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu khó đòi phải cso bằng chứng chủ yếu sau:

+ Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.

+ Phải có chứng từ gốc, giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn đọng chưa bao gồm: hợp đồng kinh tế, khuế ước vay nợ.

Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khuế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể mất tích bỏ trốn.

Cuối kỳ kế toán công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trình lập dự phòng phải thu khó đòi.

- Kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện trên tài khoản 139 – Dự phòng phải thu khó đòi, nội dung phản ánh như sau:

Tài khoản 139 “Dự phòng phải thu khó đòi”

<i>Bên Nợ</i>	<i>Bên Có</i>
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi - Xoá nợ phải thu khó đòi	- Số dự phòng phải thu khó đòi được lập
	<b>Số dư bên Có:</b> Số dự phòng phải thu khó đòi hiện có

❖ Cuối kỳ kế toán hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ (đối với doanh nghiệp có lập báo cáo tài chính giữa niên độ), doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi

## KHOẢ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi.

Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Chi tiết hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi).

❖ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được được phép xoá nợ. Việc xoá nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 138 - Phải thu khác.

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

❖ Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112,. . .

Có TK 711 - Thu nhập khác.

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

❖ Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho Công ty mua, bán nợ. Khi doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu (đang phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán) cho Công ty mua, bán nợ và thu được tiền, ghi:

Nợ các TK 111, 112,. . . (Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu)

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Nợ các TK liên quan (Số chênh lệch giữa giá gốc khoản nợ phải thu khó đòi với số tiền thu được từ bán khoản nợ và số đã được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của chính sách tài chính hiện hành)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Có các TK 131, 138,.. .

*Về chính sách chiết khấu thương mại:*

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ thành phẩm. để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau :

- Đối với khách hàng thường xuyên kí kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng giá trị hợp đồng.

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 – chiết khấu thương mại. Khi hoạch toán phải đảm bảo: chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng và được hưởng trừ hoá đơn.

Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi trực tiếp giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá ( đã trừ chiết khấu thương mại ) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521.

Phương pháp hạch toán như sau :

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại (số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp.

Có TK 111, 112 – thanh toán ngay.

Có TK 131 – phải thu của khách hàng.

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối kỳ tổng kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK 521 – chiết khấu thương mại.

*Việc hạch toán tiền lương:*

Để tạo sự gắn bó lâu dài giữa doanh nghiệp với người lao động, doanh nghiệp nên áp dụng chế độ bảo hiểm phù hợp cho người lao động. Hàng tháng tiến hành trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định bắt đầu từ ngày 01/01/2010:

Nội dung	Người lao động (Trừ vào lương)	Doanh nghiệp (Tính vào chi phí)
1.Quỹ BHXH	6%	16%
2.Quỹ BHYT	1.5%	3%
3.Quỹ BHTN	1%	1%
4.Quỹ KPCĐ	0%	2%
Cộng	8.5%	22%

## **Kết luận**

Việc kinh doanh hàng hóa của doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp làm chiếc cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng với mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng bán ra đồng thời giảm thiểu chi phí nhưng không làm giảm chất lượng hàng hóa dịch vụ. Đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh – là một ngành kinh tế mang tính tổng hợp cao, sản phẩm của ngành ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng và phong phú của người tiêu dùng hơn.

Qua thời gian thực tập, thực tế làm việc và tìm hiểu về mô hình cũng như công tác tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty cổ phần Thép Việt Nhật và em xin chọn đề tài “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Thép Việt Nhật” cho bài khóa luận tốt nghiệp của mình. Bằng bài khóa luận tốt nghiệp, em xin đóng góp một vài ý kiến nhỏ bé góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói riêng và công tác quản lý nói chung.

Tuy nhiên, do vấn đề này là tổng hợp, phức tạp, khó đánh giá chính xác đòi hỏi người nghiên cứu phải có kiến thức sâu rộng và sử dụng nhiều phương pháp khác nhau trong phân tích. Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân nhưng sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế và thời gian nghiên cứu có hạn nên nội dung của khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô và các anh chị trong phòng kế toán tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Ths Nguyễn Văn Thụ, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của Công ty cùng toàn thể các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.



## **Tài liệu tham khảo**

1. Hệ thống tài khoản kế toán quyền 1 và quyền 2 (ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ ngày 20 tháng 3 năm 2006 của bộ trưởng Bộ Tài Chính).
2. Kế toán tài chính (áp dụng cho doanh nghiệp Việt Nam, nhà xuất bản thống kê 2001).
3. Khóa luận các khóa trước.